



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I
POWER CONSTRUCTION JSC., NO1

Trụ sở: Số 583 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại 04 3845 6329

Fax: 04 3823 1997

Website: pcc1.vn

Email: pcc1@vnn.vn

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2016



ISO 9001:2008

Hà Nội, Tháng 04 Năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Tên tiếng Anh : Power Construction JSC., No.1
Tên viết tắt : PCC1
Vốn điều lệ : 752.629.140.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 752.629.140.000 đồng.
Địa chỉ : 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 38 456 329
Fax : (84-4) 38 231 997
Email : pcc1@vnn.vn
Website : <http://www.pcc1.vn>
Mã CP : PC1

Giấy chứng nhận đăng ký DN và mã số thuế: 0100100745



PCC1

Luôn luôn tin cậy



CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty : Công ty Cổ phần Xây lắp điện I

PCC1 : Công ty Cổ phần Xây lắp điện I

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

HĐQT : Hội đồng Quản trị

BKS : Ban kiểm soát

BCTC : Báo cáo tài chính

NỘI DUNG

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

13

1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

23

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
6. Báo cáo phát triển bền vững

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

47

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

65

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

71

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị
3. Hoạt động của Ban Kiểm soát
4. Thù lao của HĐQT và BKS
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS và BGD

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

81



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU

Tầm nhìn



Trở thành công ty hàng đầu Việt Nam, top 5 khu vực Đông Nam Á thực hiện tổng thầu EPC các công trình điện và xây dựng công trình công nghiệp.

Sứ mệnh



Sáng tạo không ngừng: tạo ra các công trình điện thông minh, hiện đại, kết nối với hệ thống điện quốc gia và khu vực.

Tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

Giá trị cốt lõi



SÁNG TẠO



Sáng tạo là nền tảng của sự phát triển.

TỐC ĐỘ



Hành động tốc độ, tư duy hệ thống dẫn dắt mọi hoạt động.

TIN CẬY

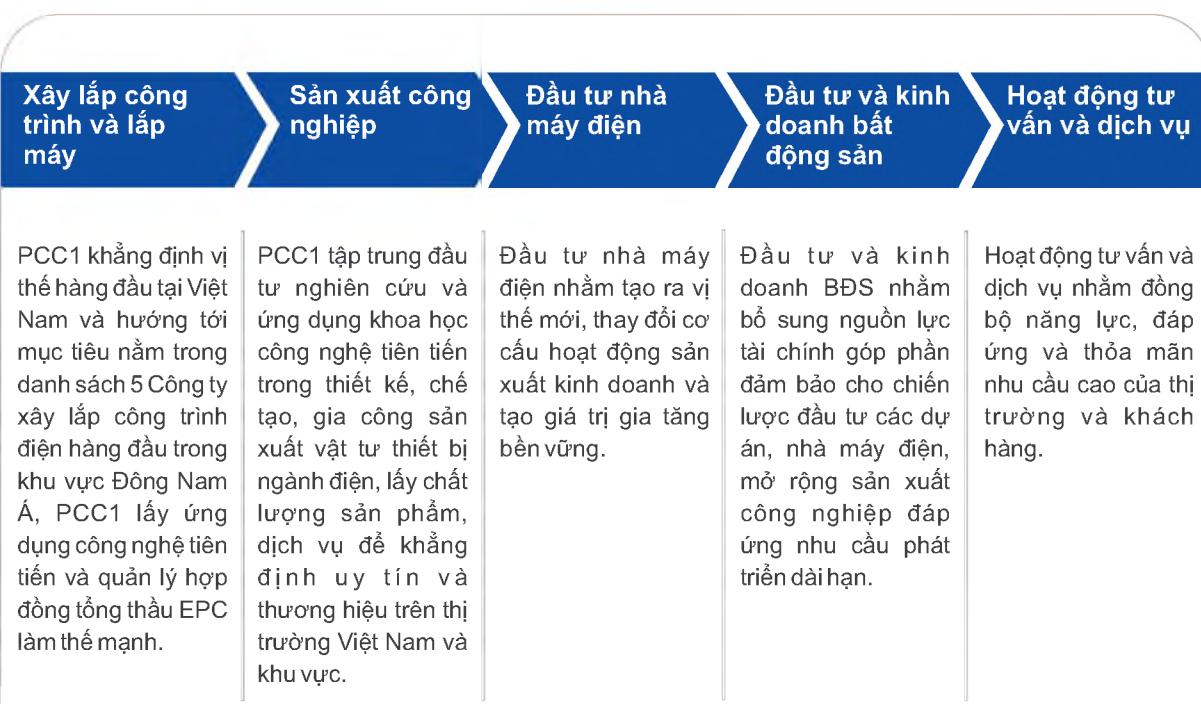


Tin cậy là sức mạnh tạo sự phát triển bền vững, là linh hồn của PCC1.



Lễ công bố Chiến lược PCC1

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU CỦA PCC1 ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030



Mục tiêu cụ thể năm 2020 đạt doanh thu 400 triệu USD (tăng trưởng bình quân 22%/năm trong 6 năm từ 2014-2020). Năm 2025 đạt doanh thu 1 tỷ USD (Từ năm 2021-2025: tăng bình quân 25%/năm).



Với sứ mệnh sáng tạo không ngừng tạo ra các công trình điện thông minh, hiện đại, kết nối với hệ thống điện quốc gia và khu vực; tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội. Với niềm tự hào về truyền thống xây dựng và phát triển PCC1 trên chặng đường hơn 50 năm qua, Ban lãnh đạo, đội ngũ quản lý PCC1 khát vọng đưa Công ty trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam, top 5 khu vực Đông Nam Á.

Thưa Quý vị khách hàng, đối tác, cổ đông cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I:

Bước vào năm kế hoạch 2017, PCC1 kiên định với các mục tiêu kế hoạch theo lộ trình chiến lược phát triển 2016 - 2020. Theo đó, năm 2017 được xác định là năm bản lề với mục tiêu tiếp tục đầu tư các nguồn lực để chuẩn bị cho mục tiêu đột phá, tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận của các năm tiếp theo, quyết tâm phấn đấu thành công các đích chiến lược giai đoạn đến năm 2020, lộ trình phát triển giai đoạn 2021-2030.

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ trọng tâm của PCC1 năm 2017 là:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị hệ thống thông qua việc bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cùng với việc ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại.
- Tập trung nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong các hoạt động xây lắp công trình điện, sản xuất và đầu tư dự án.
- Đầu tư phát triển thị trường nước ngoài, đầu tư phát triển các dự án mới.

Với sự hợp tác hiệu quả, sự giúp đỡ tích cực và sự đồng hành của Quý vị, năm 2016 mặc dù có nhiều khó khăn từ khách quan, nhiều diễn biến phức tạp của thị trường, PCC1 đã thực hiện hoàn thành mục tiêu lợi nhuận theo kế hoạch,

cũng như đã hoàn thành tốt các mục tiêu quan trọng trong công tác quản lý và đầu tư dự án như:

- Hoàn thành Báo cáo và triển khai chiến lược phát triển Công ty 2016-2020, tầm nhìn 2030.
- Phát hành cổ phần chào bán riêng lẻ và niêm yết cổ phiếu PC1 trên sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàn thành đưa vào sử dụng hai nhà máy thủy điện: Nhà máy thủy điện Trung Thu và Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1-Cao Bằng sau 2 năm đầu tư xây dựng.

Nhân dịp phát hành Báo cáo thường niên 2016, thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo PCC1, tôi xin được gửi đến Quý vị khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cán bộ công nhân viên PCC1 lời cảm ơn sâu sắc và kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác, sự đồng hành của chúng ta ngày càng có nhiều kết quả tốt đẹp.

Trân trọng!

THAY MẶT HĐQT PCC1

Chủ tịch

Trịnh Văn Tuấn





TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN

Đvt: tỷ đồng.

CHỈ TIÊU	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Tăng trưởng (*)	CAGR (**)
Tổng doanh thu	284	1.010	1.230	1.077	1.407	2.024	3.100	3.101	3.008	10,6	34%
LN trước thuế	18	115	138	57	78	190	549	319	401	22,3	47%
LN sau thuế	14	75	98	43	61	139	423	245	305	21,8	47%
Tổng tài sản	531	988	1.066	1.232	1.239	2.120	2.078	3.263	4.530	8.5	31%
Vốn chủ sở hữu	86	156	238	305	322	462	900	1.370	2.063	24.0	49%
Tổng nợ phải trả	445	805	798	898	907	1.624	1.178	1.893	2.467	5.5	24%

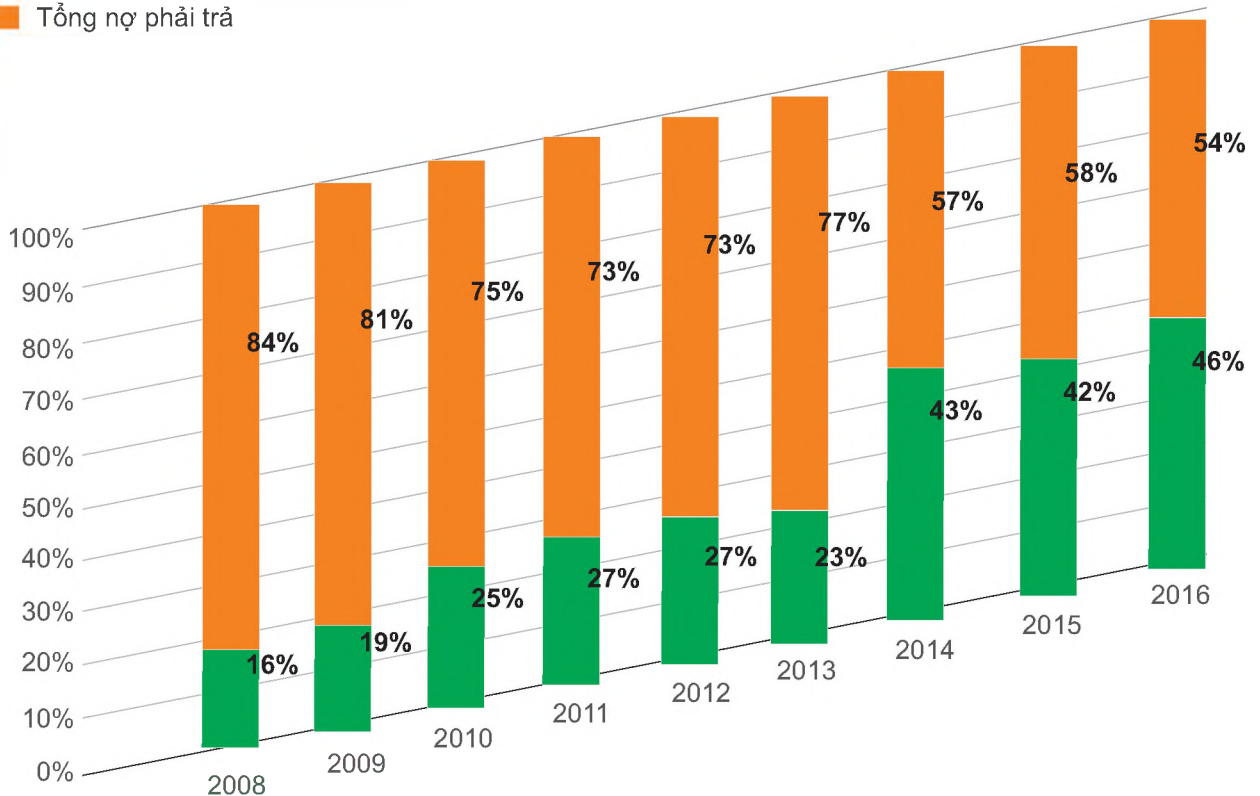
(Nguồn số liệu: Theo BCTC các năm đã được kiểm toán)

(*): Tăng trưởng năm 2016 so với năm 2008 (số lần)

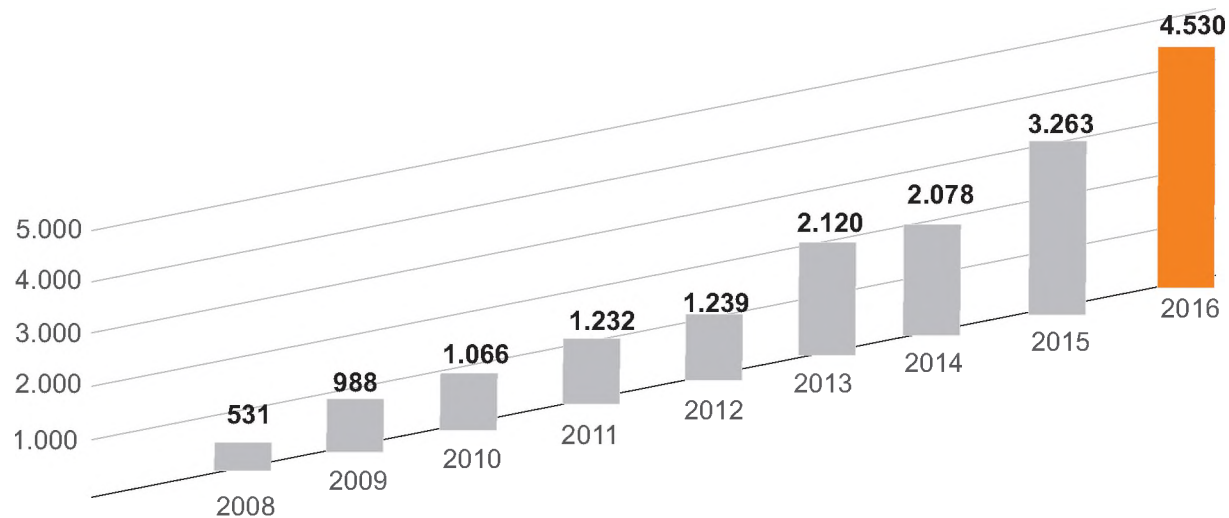
(**): Tăng trưởng bình quân hàng năm 2008-2016

Cơ cấu vốn chủ sở hữu và tổng nợ

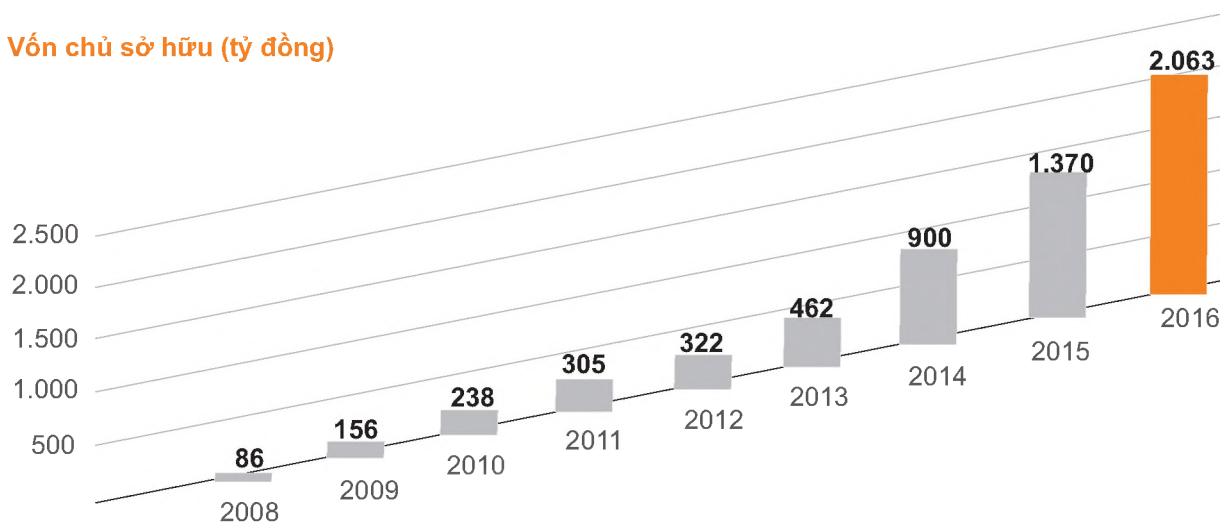
- Vốn chủ sở hữu
- Tổng nợ phải trả



Tổng tài sản (tỷ đồng)



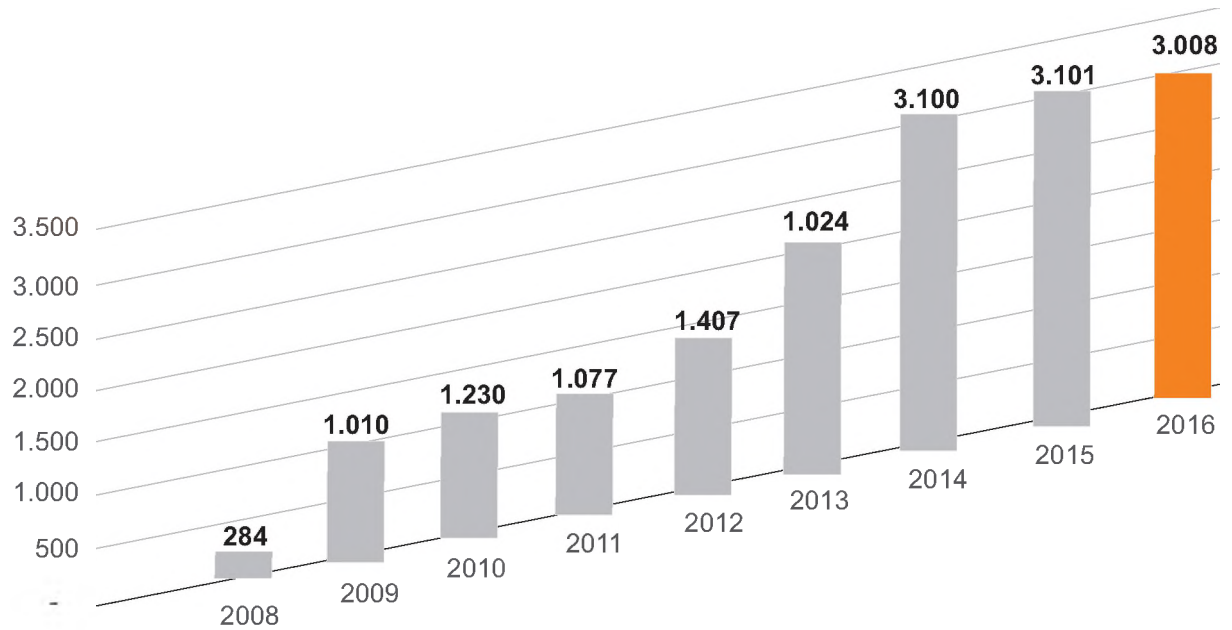
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



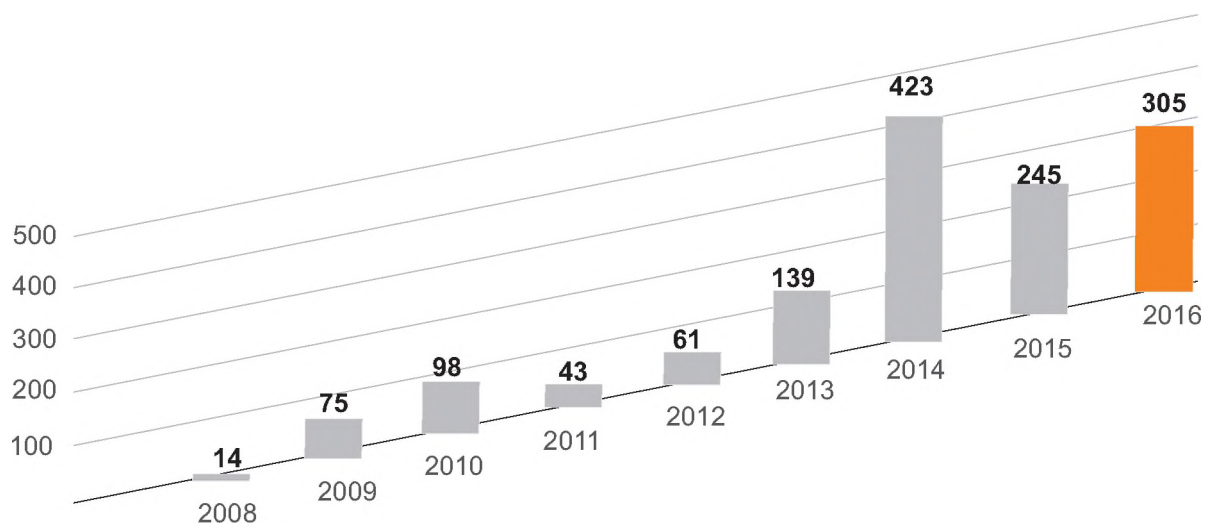


TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN (tiếp theo)

Tổng doanh thu (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Quản trị rủi ro

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập ngày 2/3/1963 với tên gọi ban đầu là Công ty Xây lắp đường dây và trạm. Ở thời điểm thành lập, Công ty có 4.000 cán bộ, công nhân viên, 5 đội công trình, 3 công trường, 1 đoàn xe, 1 phân xưởng cơ khí. Trụ sở Công ty ở 20 Trần Nguyễn Hãn (Hà Nội).



Ngày 30/6/1967, Bộ Công nghiệp Nặng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp đường dây và Trạm, trực thuộc Cục Điện lực. Trụ sở đặt tại 33 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Đến năm 1968, trụ sở dời về xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm (Hà Nội) và thành lập Trường Bổ túc văn hóa ở Phương Nhị. Ngày 25/10/1968, ba lớp cấp 1 đã chính thức khai giảng. Ngày 26/6/1969, mở lớp dạy nghề công nhân kỹ thuật đầu tiên cho 54 học viên, khóa học diễn ra trong 3 tháng.

1967-1970



Ngày 30/6/1970, thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện và Than. Từ đó, Công ty là đơn vị ngang Cục, là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung. Tháng 6/1971, Trường công nhân kỹ thuật của Công ty khai giảng lớp dạy nghề công nhân kỹ thuật thứ hai cho 345 học viên. Đây là cố gắng lớn của cả tập thể để tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty.

1970-1975



Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm với cơ cấu tổ chức độc lập và hoàn chỉnh. Công ty thành lập các đơn vị: Công trình lưới điện Quảng Trị, Công trường Mộc Châu, Xí nghiệp Xây dựng, Phân viện Thiết kế, Trạm xá, Trường công nhân kỹ thuật. Quân số của Công ty lúc này có 3.500 người. Năm 1978, Bộ điều động một số cán bộ của Công ty vào Miền Nam, thành lập Công ty Đường dây và Trạm 2, có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1975-1979



Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện lực được đổi tên thành Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1.

1979-1981



Năm 1983, do yêu cầu phát triển lưới điện của cả nước nên Bộ đã quyết định tách và nâng một số xí nghiệp, công trường của Công ty để thành lập các công ty trực thuộc Bộ Điện lực, cụ thể là:

- Tách Xí nghiệp lắp trạm Đồng Anh ra khỏi công ty để thành lập công ty xây lắp đường dây và trạm 4 đóng tại Đồng Anh.
- Tách Xí nghiệp Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội, thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội.
- Tách Xí nghiệp Đường dây 1, thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 3 đóng tại Vinh.
- Tách Công trường Quảng Trị, thành lập Công ty Xây lắp Điện 5 đóng tại Vinh.

1981-1988



Năm 1988, thành lập Công ty Xây lắp Điện 1, trực thuộc Bộ Năng lượng trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1 với Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm Hà Nội.

- Tháng 04/1992, ngành Xây lắp Đường dây và Trạm trong cả nước có 04 Công ty: Công ty Xây lắp Điện 1, Công ty Xây lắp Điện 2, Công ty Xây lắp Điện 3, Công ty Xây lắp Điện 4 với gần 10.000 CNVC.
- Năm 1995, Công ty trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
- Năm 1998, Công ty trực thuộc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam, trực thuộc Bộ Công nghiệp.
- Năm 2001, Công ty Xây lắp Điện 1 gồm các đơn vị thành viên là: Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện, Xí nghiệp Vật liệu và Xây dựng Điện, Xí nghiệp Cơ giới và Xây dựng Điện, Xí nghiệp Xây lắp Điện - Công trình công nghiệp, Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Điện, Xưởng Cơ khí Yên Thường, Trạm xá, Ban đại diện miền Nam và các tổng đội xây lắp điện 1,2,3,4,5,6,8.

1988-2005



Năm 2005, Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây lắp Điện 1. So với nhiều doanh nghiệp khác thì việc cổ phần hóa của Công ty diễn ra ở giai đoạn 3 vì từ ngày 10 tháng 5 năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã có Quyết định số 143/HĐBT lựa chọn một số doanh nghiệp nhỏ và vừa để thí điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần. Sau đó, việc cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước đã diễn ra theo 3 giai đoạn: giai đoạn thí điểm từ năm 1990 đến năm 1997; giai đoạn mở rộng và đẩy mạnh từ năm 1998 đến năm 2001; giai đoạn cổ phần hóa ở tất cả bắt đầu từ cuối năm 2002.

Công ty thực hiện kinh doanh đa ngành: xây lắp điện; chế tạo cột thép thanh dờn đến 750 kV và cột điện đơn thân 220 kV có 1, 2, 4 mạch mạ kẽm nhúng nóng. Công ty là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có khả năng vừa thiết kế, chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cột thép này; đầu tư kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn thiết kế điện, đầu tư nhà máy thủy điện...

2005 đến nay

Sau mười năm chuyển thành Công ty cổ phần, PCC1 vẫn giữ vững truyền thống phát huy sức mạnh đoàn kết tập thể. Lãnh đạo Công ty chú trọng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên. Phương châm hành động của Công ty là: “Chất lượng - Tiến độ - Giá thành - Thẩm mỹ công nghiệp”. Công ty luôn chú trọng động viên cán bộ, công nhân viên phát huy trí tuệ, tinh thần sáng tạo, thực hiện cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Một trong những sáng kiến điển hình là “Máy thổi khí khô” của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai, đưa Công ty trở thành đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thiết bị để xử lý cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV. Sáng kiến này đã được áp dụng thành công tại TBA 500kV. Quảng Ninh, TBA 500kV Thường Tín, TBA 500kV Ô Môn... Sáng kiến này đã tiết kiệm được nhiều chi phí do không phải nhập thiết bị từ nước ngoài. Một sáng kiến có giá trị khác là sáng kiến của Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh trong việc chế tạo đồ gá để mạ cột đơn thân có đường kính lớn, đảm bảo chính xác các thông số kỹ thuật.



Vinh dự to lớn đến với đội ngũ cán bộ, công nhân viên Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I là trong tháng 11/2012, ngay trước ngưỡng cửa năm thứ 50 ngày thành lập, Công ty đã được tặng thưởng **Huân chương Độc lập hạng Nhất**. Nhiều tập thể, cá nhân của Công ty cũng được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Đó là sự động viên thiết thực để Công ty tiếp tục phấn đấu đạt nhiều thành tích hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Trong những năm gần đây, bên cạnh ngành nghề truyền thống là xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, Công ty cũng chú trọng đến việc đa dạng hóa các ngành nghề khác phù hợp với phát triển của nền kinh tế và năng lực của công ty như đầu tư các dự án bất động sản, hợp tác đầu tư, đầu tư nhà máy thủy điện.... Những lĩnh vực này đã góp phần mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty đồng thời mang lại giá trị cho khách hàng và xã hội qua đó khẳng định uy tín thương hiệu của PCC1 trên thị trường.

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành và công bố Báo cáo chiến lược Công ty 2016-2020, tầm nhìn 2030 - Mục tiêu phấn đấu trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam, top 5 khu vực Đông Nam Á- Thực hiện tổng thầu các công trình điện và công trình công nghiệp.

Ngày 16/11/2016, Công ty niêm yết thành công cổ phiếu PC1 trên sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, sau hơn 50 năm hình thành và phát triển.

Tháng 12/2016 phát điện hai nhà máy thủy điện đầu tiên trong chiến lược đầu tư năng lượng. PCC1 đã vinh dự được đón Thủ tướng Chính phủ đến cắt băng khánh thành và trồng cây lưu niệm tại Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 1, xã Lý Bôn, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và TBA, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;



- Sản xuất điện năng;



- Kinh doanh bất động sản;



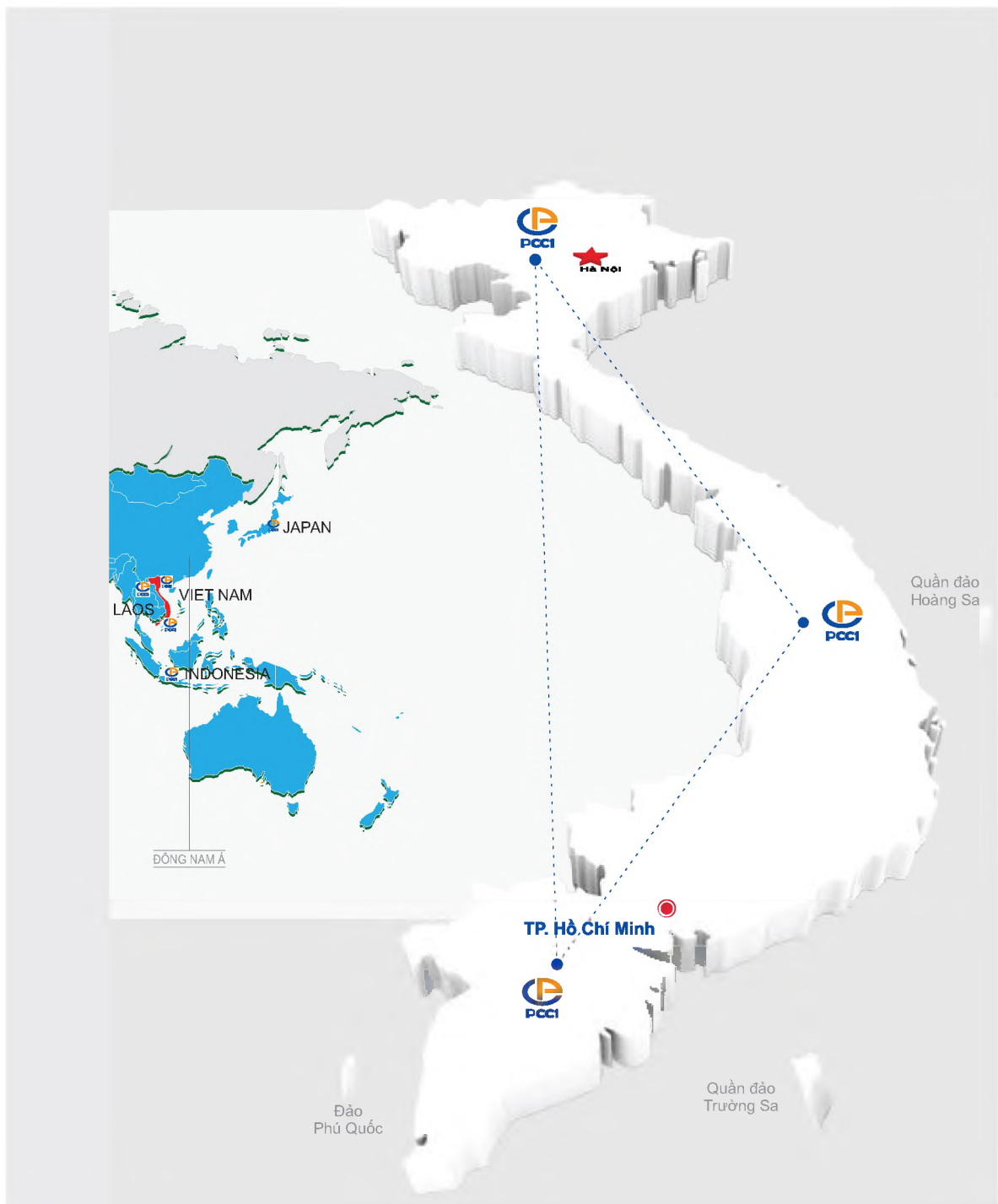
- Sản xuất kinh doanh, thiết bị, kết cấu thép, vật liệu và phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng;



- Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình ;
- Sản xuất chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng.

Địa bàn kinh doanh:

- Trong nước: trải khắp 03 miền Bắc, Trung, Nam.
- Ngoài nước: Nhật Bản, Indonesia, Lào, Myanma....



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty con:

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Quyền sở hữu
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Nội	5.000.000.000	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Đại Mỗ	5.000.000.000	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Nam	15.000.000.000	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình	5.000.000.000	100%
5	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai	5.000.000.000	100%
6	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Nàng Hương	725.509.801	100%
7	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Bắc	5.000.000.000	100%
8	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Từ Liêm	5.000.000.000	100%
9	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Đông	5.942.874.315	100%
10	Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh	51.257.000.000	100%
11	Công ty cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	5.000.000.000	51%
12	Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu	252.000.000.000	60%
13	Công ty cổ phần Thủy điện Bảo Lâm	2.700.000.000	100%
14	Công ty cổ phần Địa ốc Mỹ Đình	163.481.000.000	99%
15	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	26.812.700.000	98%



Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Quyền sở hữu
1	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	430.063.000.000	25,09%
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	80.000.000.000	28,86%

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị rủi ro và quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cả về quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ, hướng tới tính chuyên nghiệp cao.
- Tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về xây lắp công trình truyền tải điện tại Việt Nam, lộ trình trở thành một trong top 5 khu vực Đông Nam Á.
- Nâng cao năng lực thi công, quản lý điều hành chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng, tiến độ tất cả các dự án. Nâng cao năng lực quản lý điều hành dự án EPC, PC, cấp ngầm cao áp, dự án nước ngoài.
- Giữ vững và phát huy vị thế hàng đầu Việt Nam về thiết kế và cung cấp các loại cột điện cao áp, siêu cao áp, cung cấp trong nước. Phát huy các sản phẩm và dự án lợi thế.
- Mở rộng thị trường và sản phẩm ra ngoài ngành điện, phát triển thị trường nước ngoài và nâng tỷ trọng thực hiện các dự án EPC, PC xây lắp điện với tất cả các cấp điện áp.
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, SXCN, xây lắp, lắp máy và đầu tư dự án.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Tiếp tục thực hiện chiến lược Công ty 2016-2020 và tầm nhìn 2030.
- Giữ vững vị thế và vai trò ảnh hưởng thị trường, mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư, khách hàng truyền thống, phát triển thị trường tiềm năng.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, tăng năng suất và hiệu quả, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho CB-CNV.
- Tiếp tục đầu tư cho nguồn nhân lực và đầu tư mua sắm thiết bị tiên tiến.
- Thực hiện nghiên cứu phát triển thị trường một cách chủ động và chuyên nghiệp, có định hướng và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Lĩnh vực xây lắp công trình điện

Tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là xây lắp công trình truyền tải điện, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển quy mô thực hiện hình thức tổng thầu EPC, phấn đấu đạt mục tiêu 50% thị phần lưới điện cao và siêu cao áp trong nước. Xác định đây vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong toàn bộ cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty. PCC1 khẳng định vị thế hàng đầu tại Việt Nam và hướng tới mục tiêu nằm trong danh sách 05 Công ty xây lắp công trình điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Đầu tư hiện đại hóa và mở rộng quy mô sản xuất kết cấu thép mạ kẽm, cung cấp cho thị trường nội địa và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, phát triển có chọn lọc một số sản phẩm mới đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình thực hiện các hợp đồng tổng thầu EPC.

Lĩnh vực Bất động sản

Thực hiện phân tích, đánh giá thị trường lựa chọn những dự án đầu tư mới hiệu quả nhằm gia tăng nguồn lực tài chính phục vụ cho việc đầu tư và phát triển dài hạn.

Lĩnh vực Năng lượng

Quản lý tốt các dự án đã đầu tư đảm bảo tiến độ chất lượng đưa dự án đi vào vận hành đúng kế hoạch. Lựa chọn và tiến hành đầu tư những dự án mới nhằm tạo giá trị gia tăng bền vững cho Công ty.

Lĩnh vực SX vật tư thiết bị ngành điện

PCC1 tập trung đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong thiết kế, chế tạo, gia công sản xuất thiết bị ngành điện, lấy chất lượng sản phẩm để xây dựng và khẳng định uy tín, thương hiệu.

Lĩnh vực tư vấn và dịch vụ

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đồng bộ với các lĩnh vực khác của Công ty đồng thời đáp ứng đồng thời thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng và thị trường.

Lĩnh vực khác

Bên cạnh những lĩnh vực trên Công ty xây dựng chiến lược đầu tư, hợp tác đầu tư vào những ngành hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và đầu tư vào các ngành nghề có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai, chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm để phát triển Công ty theo hướng bền vững.

5. TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Trách nhiệm với cộng đồng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của PCC1 bên cạnh mục tiêu phát triển Công ty, việc mang lại giá trị cho khách hàng, cho cộng đồng, xã hội là một trong những tiêu chí ưu tiên và luôn được đề cao.



Hoạt động từ thiện, ủng hộ luôn được Lãnh đạo Công ty và CBCNV hưởng ứng tích cực. Việc chung tay góp sức thể hiện tinh nhân văn, trách nhiệm của Công ty đối với xã hội. Công ty đã tổ chức nhiều chương trình từ thiện tại các tỉnh miền núi khó khăn như Điện Biên, Cao Bằng, Quảng Trị...

Quản trị rủi ro

Cũng như các lĩnh vực SXKD khác, lĩnh vực hoạt động của PCC1 chứa các yếu tố rủi ro nhất định như rủi ro về thị trường, chính sách, pháp lý, rủi ro trong quá trình sản xuất, thi công... Để hạn chế các rủi ro này những năm qua quản trị rủi ro luôn được Công ty quan tâm và đề cao, đồng thời coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.



Không ngừng cải tiến và làm chủ công nghệ, kỹ thuật trong quá trình thi công, sản xuất; Phân tích đánh giá thị trường; nghiên cứu và vận dụng đúng luật, chính sách của nhà nước; Kiểm soát chặt chẽ hợp đồng, chi phí... là một trong những giải pháp công ty đang thực hiện nhằm hạn chế những rủi ro.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
6. Báo cáo phát triển bền vững

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM 2016

CHỈ TIÊU	2016	2015	SO VỚI NĂM 2015
Giá trị sản xuất kinh doanh	4.052,263 tỷ đồng	4.009,926 tỷ đồng	101%
Tổng doanh thu	3.008,215 tỷ đồng	3.100,859 tỷ đồng	97%
Lợi nhuận sau thuế	304,706 tỷ đồng	245,468 tỷ đồng	124%
Trích nộp ngân sách	159,013 tỷ đồng	170,340 tỷ đồng	
Tổng quỹ lương	178,943 tỷ đồng	171,692 tỷ đồng	
Thu nhập bình quân toàn Công ty	11,95 triệu đồng	11.770.000 đồng	102%

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

Năm 2016, PCC1 đạt giá trị sản xuất kinh doanh 4.052 tỷ đồng, doanh thu giữ vững trên 3.000 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 300 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và tăng 24% so với năm 2015.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC - TRỊNH VĂN TUẤN

<i>Giới tính</i>	: Nam
<i>Ngày, tháng, năm sinh</i>	: 05/07/1962
<i>Số CMND</i>	: 012298607 do CA Hà Nội cấp ngày 26/10/2006
<i>Quốc tịch</i>	: Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	: Kinh
<i>Trình độ chuyên môn</i>	: Kỹ sư điện - Đại học Bách khoa Hà Nội. Đã hoàn thành các khóa học CEO và CFO.
<i>Chức vụ đang nắm giữ</i>	: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc PCC1
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>Từ 06/1999 đến 03/2001</i>	<i>Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp xây dựng điện</i>
<i>Từ 04/2001 đến 06/2002</i>	<i>Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện</i>
<i>Từ 07/2002 đến 11/2002</i>	<i>P. kế hoạch-tổng hợp Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 12/2002 đến 10/2003</i>	<i>Trưởng ban BCHCT ĐZ500KV Pleiku-Đà Nẵng-CTCP Xây lắp điện I</i>
<i>Từ 10/2003 đến 08/2005</i>	<i>Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng - PCC1</i>
<i>Từ 09/2005 đến 09/2007</i>	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long</i>
<i>Từ 10/2007 đến 03/2010</i>	<i>Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1</i>
<i>Từ 04/2010 đến nay</i>	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1</i>

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - VŨ VĂN TỨ

<i>Giới tính</i>	: Nam
<i>Ngày, tháng, năm sinh</i>	: 04/11/1959
<i>Số CMND</i>	: 011374114 do CA Hà Nội cấp ngày 06/07/2006
<i>Quốc tịch</i>	: Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	: Kinh
<i>Trình độ chuyên môn</i>	: Kỹ sư điện - Đại học Bách Khoa Hà Nội
<i>Chức vụ đang nắm giữ</i>	: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>Từ 12/1993 đến 05/1999</i>	<i>Đội phó đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 09/1999 đến 08/2005</i>	<i>Tổng đội trưởng tổng đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 09/2005 đến 04/2006</i>	<i>Giám đốc XN xây lắp điện-Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 05/2006 đến 09/2007</i>	<i>Phó tổng giám đốc Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 10/2007 đến 03/2010</i>	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 04/2010 đến nay</i>	<i>Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I</i>

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - VÕ HỒNG QUANG

<i>Giới tính</i>	: Nam
<i>Ngày, tháng, năm sinh</i>	: 17/01/1975
<i>Số CMND</i>	: 012720026 do CA Hà Nội cấp ngày 02/7/2004
<i>Quốc tịch</i>	: Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	: Kinh
<i>Trình độ chuyên môn</i>	: Kỹ sư điện - Đại học Bách khoa Hà Nội. Đã hoàn thành khóa học CEO.
<i>Chức vụ đang nắm giữ</i>	: Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGD PCC1 kiêm Giám đốc PCC1-Miền Nam
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>Từ 07/2001 đến 05/2002</i>	<i>Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 06/2002 đến 06/2007</i>	<i>Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Xây lắp Điện I</i>
<i>Từ 05/2006 đến 03/2008</i>	<i>Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGD, kiêm Trưởng Ban ĐD Miền Nam-PCC1</i>
<i>Từ 04/2008 đến nay</i>	<i>Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGD PCC1, kiêm Giám đốc PCC1-Miền Nam</i>

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - ĐẶNG VĂN NGHĨA

Giới tính	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh	: 29/09/1959
Số CMND	: 011563294 do CA Hà Nội cấp ngày 13/10/2005
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện - Đại học Bách khoa Hà Nội
Chức vụ đang nắm giữ	: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Quá trình công tác:	
Từ 10/1992 đến 09/2003	Đội trưởng Xí nghiệp xây lắp trạm Công ty Xây lắp Điện I
Từ 10/2003 đến 09/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp trạm Công ty Xây lắp Điện I
Từ 10/2007 đến 09/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần xây lắp Điện I
Từ 10/2008 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện I

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - NGUYỄN NHẬT TÂN

Giới tính	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh	: 20/05/1967
Số CMND	: 017317789 do CA Hà Nội cấp ngày 27/09/2011
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ QTKD (MBA) - ĐH Thái Nguyên và ĐH Tổng hợp Southern Luzon, Philippines. Kỹ sư điện - ĐH Công nghiệp Thái Nguyên.
Chức vụ đang nắm giữ	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Quá trình công tác:	
Từ 05/1995 đến 04/1997	Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang
Từ 05/1997 đến 09/1998	Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang
Từ 10/1998 đến 06/2003	Phó giám đốc điện lực Tuyên Quang
Từ 07/2003 đến 12/2003	Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang
Từ 01/2004 đến 03/2004	Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang
Từ 04/2004 đến 04/2009	Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Từ 05/2009 đến 03/2010	Phó giám đốc sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang
Từ 04/2010 đến 05/2011	Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang
Từ 06/2011 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây lắp Điện I

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - NGUYỄN MINH ĐỆ

Giới tính	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh	: 1974
Số CMND	: 012025143 do CA Hà Nội cấp ngày 16/04/1997
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện - Đại học Nông nghiệp I Hà Nội. Đã hoàn thành khóa học Mini MBA.
Chức vụ đang nắm giữ	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Quá trình công tác:	
Từ 1999 đến 2002	Chỉ huy trưởng các công trình (P. KH Tổng hợp) - PCC1
Từ 2003 đến 2005	Trưởng phòng kỹ thuật - Xí nghiệp XL điện và công trình công nghiệp
Tháng 10/2005	Phó phòng kỹ thuật - PCC1
Từ 11/2005 đến 09/2006	P. Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP thương mại XLCN Thăng Long
Từ 10/2006 đến 07/2008	Giám đốc - Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long
Từ 07/2008 đến 04/2009	TP. kỹ thuật công nghệ - Công ty CP xây lắp điện I
Từ 04/2009 đến nay	Giám đốc - Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh
Từ 04/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc PCC1 kiêm Giám đốc - Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh.

KẾ TOÁN TRƯỞNG - TRẦN THỊ MINH VIỆT

Giới tính	: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh	: 16/01/1976
Số CMND	: 002176000002, Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/8/2013
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - ĐH Tài chính-Kế toán. Đã hoàn thành khóa học CFO.
Chức vụ đang nắm giữ	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Quá trình công tác:	
Từ 01/2000 đến 04/2003	CV Phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện
Từ 04/2003 đến 10/2006	Phó phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện
Từ 05/2006 đến 09/2007	Chuyên viên P.TCKT- Công ty Xây lắp Điện I
Từ 10/2007 đến 03/2014	Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Xây lắp Điện I
Từ 04/2014 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

TỔNG SỐ CBNV BÌNH QUÂN NĂM 2016: 1.305 NGƯỜI

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN KHU HỖN HỢP NHÀ Ở HÀ ĐÔNG - PCC1

Với phương châm đầu tư bất động sản kiểu cuốn chiếu, sau khi hoàn thiện dự án Mỹ Đình Plaza, PCC1 tiếp tục đầu tư dự án Nhà ở Xây lắp điện I Hà Đông (PCC1 Complex). Dự án khởi Công tháng 09 năm 2014 tại Phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội trên diện tích hơn 8.800 m². Dự án gồm 04 tòa tháp cao 15 tầng, 540 căn hộ, cùng 3 tầng TTTM và văn phòng cho thuê. PCC1 Complex nằm tại phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội được đánh giá là một trong những chung cư có vị trí đẹp, thuận lợi, được kết nối vào Trung tâm Thành phố Hà Nội tiện lợi với hệ thống tuyến đường sắt trên cao. Dự án được chính thức mở bán vào tháng 12 năm 2014. Toàn bộ số căn hộ của dự án đã được bán hết cho khách hàng.



DỰ ÁN MỸ ĐÌNH PLAZA 02



- Tiếp nối thành công của các dự án mà PCC1 đã thực hiện, trên nền tảng của kinh nghiệm trình độ quản lý, sự chuyên nghiệp trong lĩnh vực Bất động sản cùng với sự ghi nhận và đánh giá cao của khách hàng, thị trường, PCC1 thực hiện đầu tư dự án tiếp theo Dự án Mỹ Đình 02 tại Phố Trần Bình – Phường Mỹ Đình 2 – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội. Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 5000 m², gồm 02 tòa CT1 và CT2 cao 28 tầng, 03 tầng hầm, khối đế 4 tầng với các chức năng: văn phòng, Dịch vụ TM, nhà ở.
- Thời gian dự kiến hoàn thành Quý 2 năm 2018.

DỰ ÁN PCC1 - THANH XUÂN

Tiếp theo Dự án Mỹ Đình 02, PCC1 sẽ thực hiện đầu tư Dự án PCC1- Thanh Xuân tại Phố Triều Khúc – Quận Thanh Xuân – TP Hà Nội. Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 6.090 m², gồm 01 tòa nhà cao 27 tầng, 03 tầng hầm, khối đế 4 tầng với các chức năng: văn phòng, Dịch vụ TM, nhà ở. Thời gian dự kiến hoàn thành Quý 2 năm 2019.



ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG

Với lợi thế nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành điện, nhằm tạo nguồn thu tài chính ổn định trong giai đoạn trung và dài hạn, Công ty đã tham gia vào lĩnh vực đầu tư thủy điện với 4 nhà máy thủy điện gồm dự án Thủy điện Trung Thu, dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, dự án Thủy điện Bảo Lâm 3, dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A:



THỦY ĐIỆN TRUNG THU

Dự án Thủy điện Trung Thu: Dự án được thực hiện bởi CTCP Thủy điện Trung Thu, PCC1 nắm giữ 60% vốn điều lệ. Dự án khởi công vào quý III năm 2014 với công suất 30MW. Nhà máy Thủy điện Trung thu nằm trên địa bàn xã Trung Thu, Sính Phình, Mường Báng thuộc huyện Tủa Chùa và xã Pa Ham thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên được đánh giá sẽ là dự án có hiệu quả tốt. Thời gian hoàn thành và đi vào vận hành phát điện Tháng 11/2016.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)



THỦY ĐIỆN BẢO LÂM 1

Dự án Thủy Điện Bảo lâm 1: Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 khởi công vào tháng 11 năm 2014. Công trình thủy điện Bảo Lâm 1 nằm tại xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, với quy mô công suất 30MW. Dự án được sử dụng nguồn vốn của Ngân hàng thế giới (WB) với lãi suất ưu đãi. Thời gian hoàn thành và đi vào vận hành phát điện tháng 12/2016.



Ngày 08/01/2017, PCC1 cũng đã vinh dự được đón Thủ tướng Chính phủ đến cắt băng khánh thành và trồng cây lưu niệm tại Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 1.

Dự án Thủy Điện Bảo lâm 3: Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 khởi công quý 3 năm 2015 với công suất 46MW. Dự án dự kiến hoàn thành và vận hành phát điện trong quý IV năm 2017.

Dự án Thủy Điện Bảo lâm 3A: Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A khởi công quý 1 năm 2016 với công suất 8MW. Dự án dự kiến hoàn thành và vận hành phát điện trong quý IV năm 2017.



THỦY ĐIỆN BẢO LÂM 3



THỦY ĐIỆN BẢO LÂM 3A



Ngoài ra, PCC1 cũng đang nghiên cứu kế hoạch đầu tư dự án Thủy điện Mông Ân, Dự án Thủy điện Bảo Lâm 2

Bên cạnh các dự án đang đầu tư, Công ty đang nghiên cứu phát triển dự án mới, hiệu quả để xem xét đầu tư bao gồm dự án điện gió, điện mặt trời.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Đại Mỹ

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 38.988.618.524 đồng.
 - Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 9.774.086.750 đồng.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	62.595	97.143	98.421	157%	101%
2	Doanh thu	60.103	80.021	89.561	149%	112%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.112	2.800	2.938	139%	105%

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 62.538.117.646 đồng.
 - Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 12.200.186.500 đồng.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	114.577	120.023	121.137	106%	101%
2	Doanh thu	100.744	105.259	105.872	105%	101%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.001	3.789	3.269	82%	86%

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Từ Liêm

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 85.787.343.184 đồng.
 - Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 10.948.909.358 đồng.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	89.963	95.435	135.529	151%	142%
2	Doanh thu	76.717	82.235	114.444	149%	139%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.625	3.043	2.863	109%	94%

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Bắc

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 82.245.045.538 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 13.136.947.685 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	98.217	150.084	153.045	156%	102%
2	Doanh thu	90.361	115.334	126.907	140%	110%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.424	4.176	4.251	124%	102%

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Nội

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 51.010.426.541 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 7.863.281.241 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	45.527	100.794	81.690	179%	81%
2	Doanh thu	45.517	80.286	72.056	158%	90%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.301	2.867	2.083	160%	73%

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Nam

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 168.604.754.554 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 46.517.750.833 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	384.048	347.782	386.163	101%	111%
2	Doanh thu	355.588	345.286	375.868	106%	109%
3	Lợi nhuận sau thuế	14.242	16.030	12.160	85%	76%

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Đông

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 55.996.258.997 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 10.441.216.262 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	76.900	90.176	90.199	117%	100%
2	Doanh thu	72.614	76.703	77.359	107%	101%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.623	2.811	1.598	61%	57%

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 48.819.055.855 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 9.337.782.418 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	90.447	100.000	108.441	120%	108%
2	Doanh thu	75.548	85.000	85.334	113%	100%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.726	2.975	2.997	110%	101%

Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 316.318.416.005 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 96.220.088.781 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	641.290	549.965	555.118	87%	101%
2	Doanh thu	601.023	505.225	522.666	87%	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.513	39.152	44.176	124%	113%

Công ty Cổ phần lắp máy Công nghiệp Việt Nam

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 15.050.992.888 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 5.991.704.611 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	9.050	33.000	28.126	311%	85%
2	Doanh thu	6.429	26.000	23.323	363%	90%
3	Lợi nhuận sau thuế	351	1.100	929	265%	84%

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Nàng Hương

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 : 3.223.214.786 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 : 496.685.467 đồng.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 : *Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Sản lượng	9.212	10.868	11.862	129%	109%
2	Doanh thu	8.377	9.880	10.843	129%	110%
3	Lợi nhuận sau thuế	70	247	-476	-681%	-193%

Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Thu

- Vốn điều lệ : 252.000.000.000 đồng, PCC1 nắm giữ 60%.
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Thu hiện đã hoàn thành đầu tư và đi vào vận hành khai thác nhà máy thủy điện Trung Thu – Điện Biên với công suất 30MW. Dự án được đánh giá có hiệu quả tốt.

Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Mỹ Đình

- Vốn thực góp: 163.481.600.000 đồng, PCC1 nắm giữ 99,33%.
- Công ty đang triển khai dự án Mỹ Đình Plaza 2, dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2018

Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình

- Vốn điều lệ: 26.812.700.000 đồng, PCC1 nắm giữ 98,42%.
- Công ty đang triển khai dự án PCC1 Thanh Xuân, dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2019

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Vốn điều lệ: 430.063.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ 25%.
- Dự án đã hoàn thành và vận hành sản xuất từ quý 4/2015.

Công ty Cổ phần khoáng sản Tấn Phát

- Vốn thực góp: 98.120.000.000 đồng, PCC1 nắm giữ: 28,80%.

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

Trong năm qua, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động từ các yếu tố không thuận lợi như: thiên tai, môi trường, tỷ giá USD tăng cao, nợ công và bội chi ngân sách lớn, tăng trưởng GDP ở mức 6.21% không đạt kế hoạch. Năm 2016 là năm đầu tiên PCC1 triển khai chiến lược phát triển 2016-2020 tầm nhìn 2030, đây là dấu mốc quan trọng khởi đầu cho một giai đoạn phát triển sơ đồ chiến lược hoạch định cho giai đoạn phát triển của Công ty. Trên cơ sở chiến lược đã hoạch định, bằng sự quyết tâm, nỗ lực cao, phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới- năng động và sáng tạo của tập thể lãnh đạo, bộ máy quản lý và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2016 PCC1 đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	3.263.478	4.529.551	38,80%
2	Doanh thu thuần	3.100.859	3.008.125	-2,99%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	281.307	328.979	16,95%
4	Lợi nhuận khác	37.833	71.877	89,99%
5	Lợi nhuận trước thuế	319.140	400.856	25,61%
6	Lợi nhuận sau thuế	245.469	304.706	24,13%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%		

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán)

Từ bảng phân tích số liệu trên cho thấy:

- Tổng tài sản năm 2016 của Công ty tăng 38,80% so với năm 2015 do phát sinh chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Trung Thu; Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A. Cuối năm 2016, PCC1 đã hoàn thành đưa vào vận hành 02 nhà máy với tổng công suất phát điện 60MW.
- Năm 2016, Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng 24,13% so với năm 2015 đạt 304,706 tỷ. Có được kết quả này là do trong năm vừa qua Công ty đã ghi nhận Doanh thu từ Dự án bất động sản Hà Đông Complex có lợi nhuận gộp cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn tối ưu hóa chi phí giảm giá thành, đẩy nhanh tiến độ thi công, đầu tư thiết bị, công nghệ, có nhiều giải pháp thi công hiệu quả...
- Do ảnh hưởng của hoạt động đầu tư công năm 2016 triển khai chậm hơn so với kế hoạch nên Doanh thu không có sự tăng trưởng so với năm 2016. Bước sang năm 2017, Công ty đã và đang thực hiện phát triển mở rộng thị trường trong đó có thị trường nước ngoài, đây là tiền đề cho sự gia tăng doanh thu trong những năm tiếp theo.
- Tài chính PCC1 vững mạnh, luôn chủ động và có tính kế hoạch cao. Công tác huy động vốn đạt kết quả tốt từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư tài chính, luôn sẵn sàng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư. Công tác quản trị tài chính được đề cao.
- Bên cạnh việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm qua Công ty luôn chú trọng công tác quản trị hướng đến sự chuyên nghiệp và hiệu quả cao, xây dựng quy trình, áp dụng công nghệ vào quản lý. Có được những kết quả như trên là sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên PCC1, đặc biệt là sự điều hành sáng suốt, chuyên nghiệp và hiệu quả của ban lãnh đạo Công ty.

Trên cơ sở nguồn lực và sự phát triển hiện tại với bề dày kinh nghiệm trên 50 năm, PCC1 tự tin sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa và tiếp tục tăng trưởng bền vững trong tương lai.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	<i>lần</i>	1,65	1,49
	- Hệ số thanh toán nhanh	<i>lần</i>	1,21	1,10
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	<i>lần</i>	0.58	0,54
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	<i>lần</i>	1.38	1,20
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	<i>lần</i>	4,48	4,51
	- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	<i>lần</i>	0.95	0,66
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/D.thu thuần	%	7.92	10,13
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/N.vốn CSH	%	17.91	14,77
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7.53	6,73
	- Hệ số lợi nhuận từ HĐ KD/DTT	%	9.07	10,94

- Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh cuối năm 2016 lần lượt là 1,49 và 1,10 lần. Điều này cho thấy PCC1 kiểm soát tốt tình hình tài chính, luôn chủ động nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Trong những năm gần đây Hệ số thanh toán của Công ty luôn duy trì ở mức tốt. Có được điều này là do trong năm 2016 Công ty luôn chủ động trong việc cân đối dòng tiền, đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán với Chủ đầu tư, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, không để tình trạng đọng vốn.
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản: mặc dù đang triển khai đầu tư dự án thủy điện tuy nhiên hệ số nợ vẫn được duy trì ổn định ở mức trên 0.5 lần, đây là mức an toàn, đặc biệt đối với Công ty Xây lắp, xây dựng như PCC1.
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: được cải thiện, giảm từ 1,38 lần xuống còn 1,20 lần.
- Vòng quay hàng tồn kho: Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 và những năm qua luôn được duy trì ổn định 4,5 vòng.
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản: tỷ số này có xu hướng giảm hơn so với năm 2015 nguyên nhân do trong năm qua tài sản công ty tăng mạnh từ các hoạt động đầu tư các dự án thủy điện.
- Hệ số LNST/Doanh thu: tăng từ 7,9 lên 10,1% do trong năm 2016 có doanh thu từ Dự án bất động sản Hà Đông Complex có tỷ lệ lợi nhuận cao.
- Hệ số LNST/Vốn CSH: giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức ổn định trên 14%. Về dài hạn, khi các dự án Công ty đang triển khai đi vào hoạt động, các chỉ số trên sẽ cải thiện tốt nhờ doanh thu từ các dự án mang lại.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về cổ phiếu

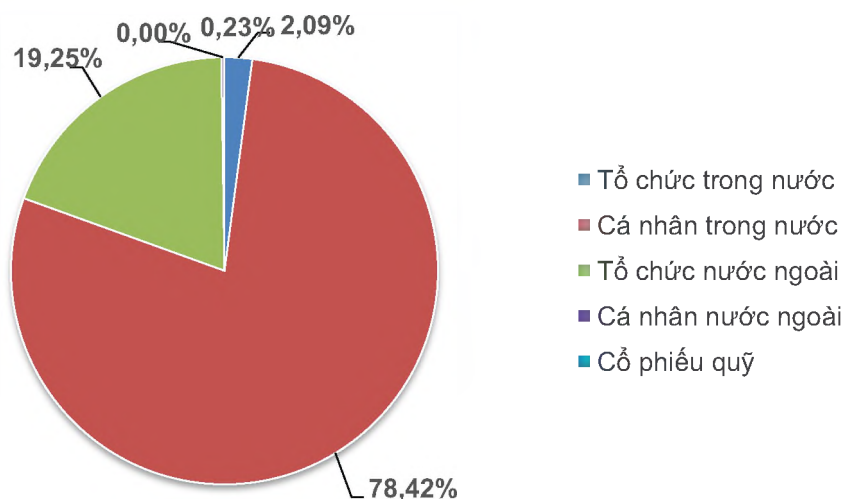
Vốn điều lệ Công ty	: 752.629.140.000 đồng
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	: 75.262.914 cổ phiếu
Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Giá CP tại ngày 31/12/2016	: 36.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*)	: 34.344.828 cổ phiếu

(*) Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Số lượng cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo là 22.864.110 cổ phiếu.

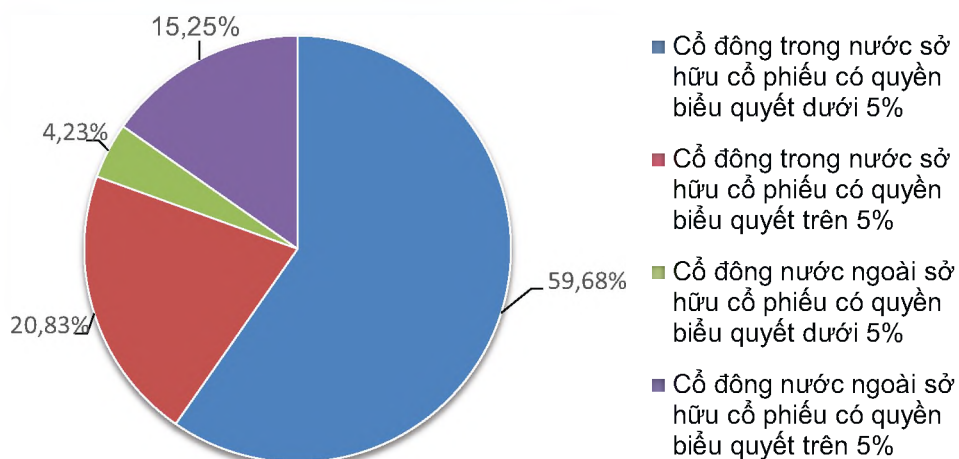
Số lượng cổ phần của cổ đông chiến lược Vietnam Enterprise Investments Limited ('VEIL') sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày 12/09/2016: 11.480.718 cổ phiếu.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
I	Trong nước	60.595.154	605.951.540.000	80,51%
1	Tổ chức trong nước	1.573.733	15.737.330.000	2,09%
2	Cá nhân trong nước	59.021.421	590.214.210.000	78,42%
II	Nước ngoài	14.667.328	146.673.280.000	19,49%
1	Tổ chức nước ngoài	14.490.868	144.908.680.000	19,25%
2	Cá nhân nước ngoài	176.460	1.764.600.000	0,23%
III	Cổ phiếu quỹ	432	4.320.000	0,00%
Tổng cộng		75.262.914	752.629.140.000	100,00%



Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
I Trong nước				
1	Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết dưới 5%	44.915.664	449.156.640.000	59,68%
2	Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết trên 5%	15.679.922	156.799.220.000	20,83%
II Nước ngoài				
1	Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết dưới 5%	3.186.610	31.866.100.000	4,23%
2	Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết trên 5%	11.480.718	114.807.180.000	15,25%
Tổng cộng		75.262.914	752.629.140.000	100,00%



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 6 năm 2016 tăng vốn từ 341.694.850.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng) lên 637.821.960.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) thông qua việc thưởng cổ phiếu và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



Trong đó

- Vốn điều lệ trước phát hành: 341.694.850.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 637.821.960.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 29.612.711 cổ phiếu, trong đó:
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu: 6.833.615 cổ phiếu*
 - Tổng số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 22.779.096 cổ phiếu*
- Mục đích: Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Tháng 8 năm 2016 tăng vốn từ 637.821.960.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) lên 752.629.140.000 đồng (Bảy trăm năm mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) thông qua việc phát hành riêng lẻ

- Vốn điều lệ trước phát hành: 637.821.960.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 752.629.140.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 11.480.718 cổ phiếu
- Mục đích: Huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 432 CP



Ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty nhận quyết định niêm yết cổ phiếu PC1 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM



Ảnh chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu của PCC1

6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, PCC1 ngày càng nhận thức rõ ràng vai trò của doanh nghiệp trong bức tranh phát triển bền vững của cộng đồng xã hội và môi trường. Do đó, những năm qua, trong chiến lược kinh doanh của mình, PCC1 luôn đặt ra mục tiêu phát triển kinh tế song song với việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường và xã hội.

Là một trong những doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, PCC1 luôn nỗ lực trong các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trồng cây lưu niệm tại Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Tạo tiền đề phát triển kinh tế địa phương, đất nước và khu vực

Ngoài những giá trị đóng góp trực tiếp cho ngân sách địa phương và nhà nước, các dự án thủy điện của PCC1 góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nhất là với huyện nghèo như Bảo Lâm. Dự án thủy điện sau khi đi vào hoạt động đã cung cấp nguồn năng lượng đáng kể cho hệ thống điện quốc gia, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao về điện cho phát triển kinh tế, xã hội của đất

Các dự án triển khai thực hiện đã tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng dự án, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế và xã hội của khu vực xây dựng công trình với các trung tâm kinh tế, xã hội của địa phương.

PCC1 chủ động thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như xây dựng cầu đường, trung tâm y tế,...

Quan hệ nhà đầu tư

PCC1 luôn hoạt động với mục tiêu: Vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư.

Tạo giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế năm 2016, PCC1 đã đưa ra những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình, thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn. Trong đó ưu tiên tập trung khai thác những thế mạnh cốt lõi, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, đáp ứng công việc và thu nhập, chỉ tiêu lợi nhuận năm, duy trì quản trị hệ thống và đầu tư công nghệ, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quan hệ nhà đầu tư khi PC1 niêm yết trên sàn HoSE, PCC1 đã thành lập Bộ phận Quan hệ cổ đông, cơ bản đáp ứng các yêu cầu cổ đông, thông tin trên thị trường chứng khoán.



Roadshow giới thiệu cơ hội đầu tư cổ phiếu PCC1



Định hướng quan hệ nhà đầu tư

- Tuân thủ công bố thông tin và các thủ tục trên thị trường chứng khoán theo quy định của Pháp luật;
- Cung cấp thông tin minh bạch, nhất quán và kịp thời. Đính chính, phản hồi kịp thời các thông tin, dư luận sai lệch (nếu có);
- Từng bước xây dựng và củng cố niềm tin của các nhà đầu tư vào thương hiệu và mã chứng khoán PC1;
- Trong năm 2017, PC1 sẽ tiếp tục hoàn thiện

việc nâng cấp website công ty theo hướng chuyên nghiệp, cập nhật thông tin nhanh chóng, minh bạch, chủ động sự kiện, tin tức, làm cầu nối chia sẻ, trao đổi thông tin hiệu quả giữa nhà đầu tư và Công ty;

6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Trách nhiệm với môi trường:

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, PCC1 nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi sinh, nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư, đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương

Nhà máy thủy điện Trung Thu và Nhà máy thủy điện Bảo Lâm đã triển khai áp dụng phương pháp 5S với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, thoải mái và an toàn sức khỏe cho CBCNV Công ty.

Đồng thời, Công ty tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải.



Chính sách liên quan đến người lao động:

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Do đó, PCC1 đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình.

Số lượng nhân sự:

Tổng số CBCNV bình quân năm 2016 là 1.305 người

Trong năm, công ty đã tuyển dụng bổ sung 51 nhân lực mới cho các vị trí quản lý, nhân viên và công nhân.

Thu nhập người lao động:

Thu nhập BQ toàn Công ty năm 2016: 11,95 triệu đồng/người/tháng. Đạt 96% so kế hoạch và đạt 102% so với thu nhập bình quân năm 2015.

An toàn lao động:

Để hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, PCC1 xây dựng một quy trình vận hành an toàn cho người lao động theo quy chuẩn của các cơ quan chức năng, tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động.

Công ty ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện tại các công trường, tổ chức các khóa học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng chống tai nạn cho người lao động, trang bị bảo hộ lao động như quần áo, nón, giày,... đầy đủ, kịp thời theo tính chất công việc, theo quy định của luật lao động; đầu tư và cải tiến công nghệ trong sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cho nhân viên.

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện có uy tín cho 100% CBCNV công ty.

Chính sách lương thưởng cho người lao động:

- PCC1 xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.
- CBCNV được xét nâng lương hàng năm đúng quy định và quy chế lương, tùy theo mức độ phức tạp của công việc mà có mức lương tương ứng.



Ảnh CBNV ngày 8-3

- Mọi chế độ phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều được PCC1 thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước. Tiền lương thu nhập ổn định, kịp thời. Chính sách bảo hiểm xã hội, BHYT được duy trì tốt. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng các chế độ phúc lợi như thưởng vào các ngày lễ lớn, tham gia các chuyến tham quan du lịch, nghỉ mát...
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, Thỏa ước lao động tập thể trong toàn Công ty.
- Bên cạnh đó, sự quan tâm, hỗ trợ và các chế độ thăm hỏi, ốm đau... được Công ty và công đoàn đặc biệt quan tâm, kịp thời động viên CBCNV hoạn nạn, khó khăn
- Mỗi hoạt động, mỗi phong trào đều thể hiện những nét văn hóa riêng của PCC1, là sự động viên của Ban lãnh đạo Công ty, khuyến khích mỗi CBCNV nỗ lực phấn đấu vì một PCC1 phát triển bền vững.

Hoạt động đào tạo người lao động

PCC1 khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình trong công việc. Công ty tổ chức cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo, trong đó có đào tạo kỹ thuật ở nước ngoài để cải tiến chất lượng, nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi cá nhân.

Trong năm 2016, PCC1 đã tổ chức đào tạo theo kế hoạch năm: 4 lớp tập trung và các chương trình đào tạo riêng cho các cá nhân đơn vị.



6. BẢO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Các mục tiêu, trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng:

Năm 2016, PCC1 đã đóng góp cho ngân sách 209 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong những năm qua, công tác An sinh xã hội luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm thực hiện thường xuyên và được toàn thể CBCNV hưởng ứng tích cực:

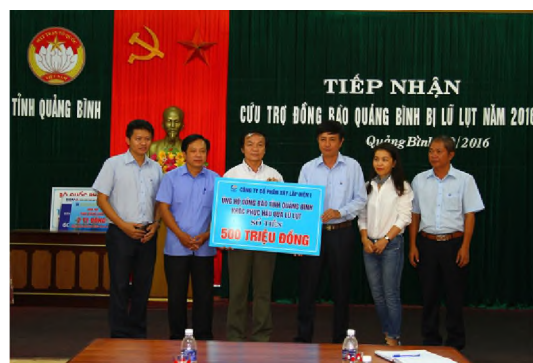
- Thăm hỏi và trao quà cho 697 em tại Trường tiểu học dân tộc bán trú Mường Anh, Trường mầm non Mường Anh và 50 hộ nghèo thuộc 10 bản trong xã Pa Ham, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
- Trao phần quà tới 123 em đạt danh hiệu học sinh xuất sắc tại Trường Tiểu học và THCS Mường Anh - Xã Pa Ham - Huyện Mường Chà - Tỉnh Điện Biên
- Trao tặng 73 suất quà tới các em học sinh tại Trường Tiểu học Lý Bôn thuộc Xã Lý Bôn, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng
- Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp Tết thiếu nhi tại địa bàn các tỉnh Điện Biên, Cao Bằng và Hà Giang
- Đoàn thanh niên PCC1 đã tài trợ và phối hợp với UBND xã PaHam tổ chức “Giải bóng đá thanh niên năm 2016” tại sân bóng của Dự án thủy điện Trung Thu. Đây là hoạt động xã hội thường niên của PCC1 nhằm khẳng định và nâng cao trách nhiệm xã hội với cộng đồng, đẩy mạnh phong trào thể thao, rèn luyện thể chất, tăng tình đoàn kết, giao lưu học hỏi, hiểu biết lẫn nhau cho thanh niên địa phương với tập thể CBCNV PCC1 trên công trường.
- Hòa trong không khí cả nước hướng về Miền Trung ruột thịt gánh chịu hậu quả nặng nề do đợt mưa lũ và phát huy tinh thần tương thân tương ái, văn hóa đoàn kết, chia sẻ của Công ty, ngày 21/10/2016, Ban lãnh đạo PCC1, Ban chấp hành công đoàn PCC1 đã phát động đến toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động đợt quyên góp ủng hộ đồng bào Miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt. Sau đợt quyên góp, PCC1 đã lên đường đến với đồng bào Quảng Bình trao tặng số tiền 500 triệu đồng để xây lại nhà bán trú cho các thầy cô của Trường Tiểu học số 2, xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình.



PCC1 trao quà tại THCS Mường Anh - xã Pa Ham



CBVN Quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung



CBVN trao tiền ủng hộ Đồng bào tỉnh Quảng Bình

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016 là năm đầu tiên PCC1 triển khai chiến lược phát triển 2016-2020 tầm nhìn 2030. PCC1 đã triển khai nhiệm vụ kế hoạch 2016 với các phân tích đánh giá và xây dựng các mục tiêu chiến lược, cùng các giải pháp cụ thể để thực hiện.

Tuy nhiên, năm 2016 thế giới có nhiều diễn biến chính trị phức tạp, kinh tế các nước Trung Quốc, Mỹ, Nga, Hàn Quốc cũng như nhóm 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới đều gặp khó khăn, tăng trưởng chậm, kéo sự phát triển kinh tế toàn cầu gặp khó khăn và tăng trưởng thấp.

Việt Nam, năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết đại hội Đảng lần thứ XII, và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020. Tuy nhiên, năm 2016 được đánh giá là một năm nhiều khó khăn từ thiên tai và môi trường và ảnh hưởng khó khăn của kinh tế thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế đất nước. Nợ công tăng cao, bội chi ngân sách lớn, tỷ giá USD biến động mạnh vào thời điểm cuối năm, tăng trưởng GDP mức 6,21% không đạt kế hoạch.

Trước những biến động phức tạp của tình hình kinh tế trong nước và thế giới, Ban lãnh đạo Công ty đã đánh giá khách quan, nghiêm túc các khó khăn, thử thách, tập trung các biện pháp khắc phục khó khăn, đồng thời duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, hoàn thành các mục tiêu đầu tư dự án, đáp ứng công việc và thu nhập, chỉ tiêu lợi nhuận năm, duy trì quản trị hệ thống và đầu tư công nghệ. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN	SO VỚI NĂM 2015
Giá trị sản xuất kinh doanh	4.052,263 tỷ đồng	101%
Tổng doanh thu	3.008,215 tỷ đồng	97%
Giá trị lợi nhuận		
+ Lợi nhuận sau thuế	304,706 tỷ đồng	125%
+ Lợi nhuận trên Doanh thu	10,13%	
+ Lợi nhuận trên Vốn điều lệ bình quân năm	55,69%	
+ Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	17,75%	
+ Lãi cơ bản trên một cổ phần (EPS)	4.532 đồng	
+ Lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA)	7,82%	
Trích nộp ngân sách	159,013 tỷ đồng	
Tổng quỹ lương	178,943 tỷ đồng	
Thu nhập bình quân toàn Công ty	11.95.000 đồng/người/tháng	102%

(Nguồn số liệu: Theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán.)

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản:

CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2015		So sánh năm 2016 với 2015	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
<i>DVT: Triệu đồng</i>						
Tài sản ngắn hạn	2.045.729	45%	2.120.773	65%	(75.044)	-4%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	418.610	9%	571.111	18%	(152.501)	-27%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000	0%			20.000	
- Các khoản phải thu ngắn hạn	1.046.245	23%	961.064	29%	85.181	9%
- Hàng tồn kho	532.293	12%	568.014	17%	(35.721)	-6%
- Tài sản ngắn hạn khác	28.582	1%	20.584	1%	7.998	39%
Tài sản dài hạn	2.483.822	55%	1.142.704	35%	1.341.118	117%
- Các khoản phải thu dài hạn	86.327	2%	78.524	2%	7.803	10%
- Tài sản cố định	919.782	20%	96.558	3%	823.224	853%
- Bất động sản đầu tư	107.358	2%	87.717	3%	19.641	22%
- Tài sản dở dang dài hạn	1.191.007	26%	706.079	22%	484.928	69%
- Đầu tư tài chính dài hạn	85.425	2%	154.967	5%	(69.542)	-45%
- Tài sản dài hạn khác	93.922	2%	18.859	1%	75.063	398%
Tổng tài sản	4.529.551	100%	3.263.477	100%	1.266.074	39%

Tổng tài sản năm 2016 tăng 39% so với năm 2015, tương đương 1.266.074 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh.

Tỷ trọng tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2016 so với năm 2015 đã tăng đáng kể, đây là kết quả của quá trình đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể:

- Tài sản dở dang dài hạn tăng 484.928 triệu đồng tương đương tăng 69% là do chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng. Năm 2016, Công ty tiếp tục đẩy mạnh thi công các hạng mục chính của 04 dự án thủy điện: Trung Thu, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A trong đó đã hoàn thành đưa vào vận hành nhà máy thủy điện Trung Thu, nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1 trong tháng 12 năm 2016 với tổng công suất phát điện 60MW. Nhà máy Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 4 năm 2017.
- Tài sản cố định tăng 823.224 triệu đồng tương ứng tăng 853% là do trong quý 4 năm 2016 hoàn thành, bàn giao và đưa vào vận hành nhà máy thủy điện Trung Thu.
- Tài sản dài hạn khác tăng 75.063 triệu đồng tương ứng tăng 398% chủ yếu là do Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Ô tô Hòa Bình để đầu tư dự án bất động sản làm phát sinh khoản lợi thế thương mại.

Tổng thể sự phân bố tài sản cuối năm và đầu năm là hợp lý, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2. Tình hình nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

CHỈ TIÊU <i>ĐVT: Triệu đồng</i>	Năm 2016		Năm 2015		So sánh năm 2016 với 2015	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Nợ phải trả	2.466.877	54%	1.893.092	58%	573.784	30%
Nợ ngắn hạn	1.376.639	30%	1.287.284	39%	89.355	7%
- Phải trả người bán ngắn hạn	815.099	18%	440.511	13%	374.588	85%
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	63.894	1%	384.846	12%	(320.952)	-83%
- Thuế và các khoản phải nộp NN	105.796	2%	93.158	3%	12.638	14%
- Phải trả người lao động	53.183	1%	66.322	2%	(13.139)	-20%
- Chi phí phải trả ngắn hạn	57.816	1%	84.272	3%	(26.456)	-31%
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	614	0%	512	0%	102	20%
- Phải trả ngắn hạn khác	41.641	1%	41.998	1%	(357)	-1%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134.757	3%	63.061	2%	71.696	114%
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	69.366	2%	95.193	3%	(25.827)	-27%
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	34.474	1%	17.411	1%	17.063	98%
Nợ dài hạn	1.090.238	24%	605.808	19%	484.429	80%
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	981.149	22%	461.459	14%	519.690	113%
- Dự phòng phải trả dài hạn	93.519	2%	141.008	4%	(47.489)	-34%
Vốn chủ sở hữu	2.062.674	46%	1.370.385	42%	692.289	51%
- Vốn góp của chủ sở hữu	752.629	17%	341.695	10%	410.934	120%
- Thặng dư vốn cổ phần	369.631	8%	105.675	3%	263.956	250%
- Vốn khác và các quỹ	70.902	2%	55.131	2%	15.771	29%
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	764.937	17%	797.851	24%	(32.914)	-4%
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	104.575	2%	70.033	2%	34.542	49%

Tổng nguồn vốn năm 2016 có sự thay đổi đáng kể so với năm 2015 nguyên nhân do sự gia tăng của nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

- Nợ ngắn hạn không biến động lớn tuy nhiên nợ dài hạn tăng đáng kể đến từ các khoản giải ngân vay vốn ngân hàng phục vụ cho các dự án đầu tư thủy điện.
- Phải trả người bán tăng 374.588 triệu đồng tương đương tăng 85% là do cuối năm 2016 Công ty đẩy nhanh tiến độ các hạng mục chính của các dự án thủy điện Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A. Hầu hết các khoản công nợ phải trả người bán đã được thanh toán trong đầu quý 1 năm 2017.
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 320.952 triệu đồng tương đương giảm 83% chủ yếu do trong năm 2016 Dự án bất động sản Hà Đông Complex đã hoàn thành bàn giao nhà cho khách hàng.
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 519.690 triệu đồng tương đương tăng 113% do trong năm 2016 tiếp tục giải ngân vay vốn ngân hàng phục vụ các dự án thủy điện Trung Thu, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3.
- Vốn Chủ sở hữu tăng 692.289 triệu đồng tương đương 51% do trong năm 2016 công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2016.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



3.1. Công tác tổ chức và quản lý:

Ban Lãnh đạo luôn khẳng định vai trò lãnh đạo điều hành, cùng với sự nỗ lực và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, ban Công ty mẹ, các đơn vị thành viên, CBCNV toàn Công ty, tiếp tục khẳng định và nâng cao vị thế, hình ảnh PCC1 trên thị trường, kiểm soát và xử lý các phát sinh trong hoạt động SXKD, một số nội dung trọng tâm là:

- Triển khai Chiến lược công ty giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030;
 - Thực hiện tốt công tác kế hoạch, thị trường theo mục tiêu chiến lược;
 - Đẩy mạnh công tác đầu tư nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ, công nghệ, máy móc tiên tiến trong quản lý điều hành, đầu tư và sản xuất, thi công;
 - Hoàn thiện sơ đồ tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành;
 - Tăng cường hợp tác, học tập các đối tác trong và ngoài nước với tiêu chí Hội nhập – Tin cậy – Phát triển. Phát huy giá trị cốt lõi “Sáng tạo – Tốc độ - Tin cậy” tạo đà phát triển nhằm đạt được các mục tiêu trong hoạt động SXKD và đầu tư.
- Điều chỉnh sơ đồ tổ chức tại phòng ban công ty mẹ phù hợp yêu cầu quản trị giai đoạn hiện nay. Bổ nhiệm một số cán bộ lãnh đạo phòng ban, lãnh đạo đơn vị thành viên.
 - Tuyển dụng bổ sung 51 nhân lực mới cho các vị trí quản lý, nhân viên và công nhân.
 - Bắt đầu triển khai dự án Thẻ điểm cân bằng (Balanced scorecard) để nâng cao việc quản lý thực thi các kế hoạch chiến lược và nâng cao năng lực thực thi chiến lược của các cấp quản lý, thông qua việc:
 - Làm rõ và cụ thể hóa tầm nhìn và chiến lược.
 - Truyền đạt và kết nối những mục tiêu chiến lược và các thước đo.
 - Lập kế hoạch, đặt mục tiêu chiến lược.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)



PCC1 Thi Công ĐZ Siêu Cao Áp Bằng Khí Cầu

3.2. Công tác Kế hoạch và thị trường:

Công tác nghiên cứu phát triển thị trường:

Xây dựng kế hoạch và phân tích đầu tư trong ngành điện 2017 làm cơ sở xây dựng kế hoạch 2017.

Công tác kế hoạch và đấu thầu

- Trong năm, công ty đã hoàn thành nhiều dự án lớn, quan trọng điện áp 500kV, 220kV, 110kV, trạm GIS, cáp ngầm, hợp đồng EPC, PC với các chủ đầu tư trong và ngoài ngành điện, được đánh giá tốt về năng lực và chất lượng.
- Công tác đấu thầu được chú trọng đặc biệt, việc thực hiện phân chia khu vực và hỗ trợ các đơn vị thành viên đã đạt được kết quả đấu thầu tích cực. Triển khai tập huấn nghiệp vụ đấu thầu cho các đơn vị, sẵn sàng tham gia thị trường theo quy định mới.
- Bước đầu xúc tiến thị trường quốc tế, làm cơ sở thực hiện theo chiến lược phát triển mở rộng tại các Tổng Công ty điện lực miền, khu công nghệ.

- Công tác xây dựng kế hoạch, triển khai kế hoạch SXKD sát thực và đạt kết quả cao, hệ thống báo cáo, phân tích chính xác kịp thời, giúp cho việc điều hành, triển khai kế hoạch hàng kỳ đạt được chỉ tiêu đề ra.
- Công tác quản lý hợp đồng, thanh quyết toán với chủ đầu tư, khách hàng đều được chú trọng và kiểm soát.
- Công tác kế hoạch được thực hiện chuyên nghiệp hơn, luôn có sự cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, bám sát hoạt động SXKD.
- Công tác báo cáo chính xác, kịp thời, phản ánh đúng về hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị thành viên.
- Công tác thanh quyết toán nội bộ, thanh quyết toán cho các nhà thầu phụ được thực hiện kịp thời, phản ánh chính xác chi phí thực tế phát sinh trong kỳ, phục vụ hạch toán kế toán.

3.3. Công tác tài chính kế toán:

- Công tác tài chính: Tài chính vững mạnh, luôn chủ động và có tính kế hoạch cao. Công tác huy động vốn đạt kết quả tốt từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư tài chính. Quản trị tài chính, công tác tham mưu cho lãnh đạo được đánh giá tốt. Luôn sẵn sàng nguồn vốn cho SXKD và đầu tư.
- Công tác kế toán: Thực hiện tốt việc cập nhật và hướng dẫn thực hiện các quy định, văn bản mới. Hạch toán kế toán, báo cáo tài chính phù hợp và kịp thời. Thực hiện tốt công tác thanh tra thuế, hoàn thuế, công tác kiểm kê và quyết toán.
- Công tác thu hồi vốn đạt kết quả cao: Tính đến 31/12 việc thu hồi các khoản phải thu đã hoàn thành kế hoạch, tiền gửi cuối năm vượt kế hoạch mục tiêu, sẵn sàng cho nguồn vốn kế hoạch 2017.



3.4. Công tác kỹ thuật công nghệ:

- Công tác quản lý điều hành dự án: Điều hành chủ động, tin cậy hoàn thành đóng điện 13 dự án, bàn giao quyết toán 17 dự án. Thực hiện các thủ tục phát sinh thiết kế để thi công và thanh toán.
- Quản lý chất lượng và ISO: Phòng KTCN đã xây dựng và trình ban hành quy định quản lý chất lượng thi công, đánh giá, rà soát, điều chỉnh công tác quản lý chất lượng với 6 quy trình và 01 sổ tay chất lượng. Duy trì và cải tiến quy trình ISO.
- Quản lý máy móc thiết bị: Bước đầu quản lý sử dụng theo hệ thống chung, tăng hiệu quả, tránh lãng phí. Duy trì các quy trình vận hành, kiểm tra, kiểm định, bảo dưỡng thường kỳ.
- Nghiên cứu công nghệ, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị: Trong năm đã hoàn thành và vận hành tốt thiết bị hội nghị trực tuyến toàn công ty. Ứng dụng lưu trữ điện toán đám mây đạt kết quả tốt. Phòng KTCN cũng đã nghiên cứu đánh giá đề xuất một số máy móc dụng cụ để đầu tư, cải tiến phục vụ sản xuất và thi công như thiết bị bay tích hợp nhiều chức năng, tời máy 5 tấn, dàn giáo chuyên dùng...; đã ban hành quy định quản lý máy móc dụng cụ thi công áp dụng toàn công ty.



Navi Fly 500kV Sơn La - Lai Châu

- Công tác an toàn vệ sinh công nghiệp: Đưa vào ứng dụng cải tiến phương pháp đào tạo an toàn trực quan, thực tiễn mang lại kết quả đào tạo tốt hơn. Trong năm duy trì thường xuyên công tác an toàn, trang bị bảo hộ. Kết quả không để xảy ra vụ việc mất an toàn nghiêm trọng.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)

3.5. Công tác mua sắm và quản lý vật tư thiết bị:

- Mục tiêu quan trọng nhất của công tác này là chất lượng mua sắm, quản lý và giao nhận vật tư thiết bị. Trong năm 2016, công tác này đã đáp ứng về chất lượng tiêu chuẩn, tiến độ cấp phát và chi phí giá mua, vận chuyển.
- Công tác giao nhận - quyết toán: tiếp nhận, vận chuyển, cấp phát kịp thời, an toàn và chủ động cho nhiều TBA, đường dây cao áp góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công, đặc biệt các công trình cấp bách, trọng điểm.
- Thanh quyết toán vật tư, thu hồi và quản lý tồn kho: việc áp dụng quy trình cấp phát, thu hồi có tác dụng tích cực.
- Thực hiện cam kết, chuẩn bị nguồn vật tư thiết bị cho đấu thầu: 65 gói trong năm đã có bước cải thiện về tiến độ, hoàn thành chất lượng hồ sơ.



Cầu chuyên dụng UNIC - Nhật Bản

- Thanh quyết toán các hợp đồng sản xuất: Đã có bước cải thiện về tiến độ hoàn thành và giải quyết các tồn tại vướng mắc.
- Công tác nhập khẩu vật tư thiết bị lưới điện đã đáp ứng được các yêu cầu sản xuất và thi công các hợp đồng EPC.

3.6. Khối xây lắp, lắp máy:

- Hoàn thành tốt nhiều công trình trọng điểm, đặc thù 500kV, 220kV, GIS, EPC, PC, cáp ngầm trung cao áp; công trình biển đảo, công trình phục vụ đấu nối nhà máy điện, TBA 500kV - Nhiệt điện Vĩnh Tân, đấu nối 220kV – Thủy điện Bảo Lâm.
- Lắp máy một số dự án lớn như: Dây chuyền tuyến quặng - gang thép Cao bằng; Sửa chữa thiết bị tại nhà máy Xi măng Quang Sơn; Nhà máy TOTO Việt Nam; Lắp đặt phần nhất thứ trạm biến áp 220KV Tây Hồ; Lắp đặt hệ thống băng tải dây chuyền sơn tại nhà máy Honda Việt Nam...
- Tiếp tục đầu tư, ứng dụng máy móc, công nghệ tiên tiến, qui chuẩn công trường, chỉ huy điều hành hệ thống và kế hoạch cao, khẳng định vị thế hàng đầu về năng lực thực hiện các dự án truyền tải điện.



- Tiếp tục phát huy sử dụng thiết bị, máy móc thi công tiên tiến tạo năng suất cao, năng lực vượt trội.
- Tiếp tục tăng cường quản lý chất lượng tin cậy, khẳng định vị thế, niềm tin vào khách hàng, xúc tiến thị trường nước ngoài.

• 3.7. Sản xuất công nghiệp:

- Đầu tư bổ sung thiết bị, máy móc, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động.
- Phát huy lợi thế sản phẩm đặc thù, năng lực khác biệt và phối hợp tốt trong hệ thống thực hiện các hợp đồng EPC, cải thiện tích cực kết quả kinh doanh.
- Tích cực kết nối, duy trì quan hệ với AG và các đối tác nước ngoài hướng đến thị trường quốc tế cho các năm tiếp theo.

3.8. Lĩnh vực tư vấn và dịch vụ:

Tư vấn thiết kế công trình điện:

- Từng bước khẳng định năng lực thiết kế, xây dựng uy tín và độ tin cậy với các chủ đầu tư lớn trong ngành điện.
- Nâng cao năng lực quản lý và chất lượng cán bộ thiết kế.
- Kết quả doanh thu đã tăng trưởng tích cực.

Quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ dự án bất động sản:

- Chủ động tiếp nhận quản lý dự án mới PCC1 Hà Đông. Duy trì quản lý các dự án theo mục tiêu dài hạn.
- Phối hợp với BQLDA Bất động sản trong công tác bảo hành, bảo trì dự án.
- Khai thác tài sản, mặt bằng của Công ty tại các dự án.
- Các hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ có nhiều kinh nghiệm hơn, kiểm soát công việc tích cực.

3.9. Tình hình thực hiện hợp đồng với các đối tác nước ngoài và ngoài ngành điện:

- Nhu cầu thực tế của PCC1 cũng như xu thế hội nhập, việc hợp tác và liên danh, liên kết với các đối tác nước ngoài ngày càng quan trọng và mở rộng.
- PCC1 đã và đang chủ động hợp tác với các công ty, tập đoàn về tư vấn thiết kế, tư vấn công nghệ, tư vấn quản lý, cung cấp giải pháp, cung cấp thiết bị công nghệ, đầu tư vốn và tài chính – góp phần nâng cao năng lực Công ty và phát triển về quy mô.



Sản xuất công nghiệp



Tư vấn và dịch vụ



*Đầu tư
Bất động sản*



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)

3.10. Kết quả trong lĩnh vực đầu tư và hợp tác đầu tư:



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng đoàn công tác cắt băng khánh thành nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1

Đầu tư kinh doanh bất động sản:

- Hoàn thành dự án PCC1 Hà Đông Complex đưa vào sử dụng đúng tiến độ, đạt kết quả tốt.
- Tích cực triển khai thủ tục đầu tư dự án Mỹ Đình Plaza 2 theo kế hoạch, đến 31/12/2016 đã cơ bản hoàn thành phần ngầm dự án, kế hoạch hoàn thành đưa vào sử dụng Quý 2 năm 2018.
- Hoàn thành đầu tư 98% vốn vào Công ty CP Cơ khí ô tô Hòa Bình, lập hồ sơ đầu tư dự án trình Thành phố. Kế hoạch khởi công Quý 2 năm 2017.
- Quyết toán dự án PCC1 Hà Đông, thực hiện các công tác bảo trì theo quy định.
- Sắp xếp, phân công lại nhiệm vụ công tác trong Ban quản lý, áp dụng quy định mới về chức năng nhiệm vụ Ban quản lý.

Đầu tư năng lượng:

- Công tác tổ chức và quản lý của Ban quản lý Năng lượng khoa học và chuyên nghiệp, cán bộ nhân viên được tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp. Chất lượng nhân lực đánh giá chung là tốt, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện.
- Ban quản lý có đủ năng lực để lập dự án đầu tư, bổ sung quy hoạch, cấp chứng nhận đầu tư, thực hiện GPMB, tư vấn giám sát thi công, đàm phán mua sắm quốc tế và trong nước, chuẩn bị sản xuất, tổ chức vận hành nhà máy, đàm phán mua bán điện, đàm phán bán phát thải một cách chuyên nghiệp.
- Thực hiện thủ tục pháp lý đầu tư: chủ động, nhanh đạt được các yêu cầu đối với các tổ chức liên quan từ Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức ngân hàng.
- Công tác giải phóng mặt bằng: tích cực, chủ động và có các giải pháp tích cực để kiểm soát chi phí và khắc phục các vướng mắc về hồ sơ cũng như đối tượng được bồi thường.

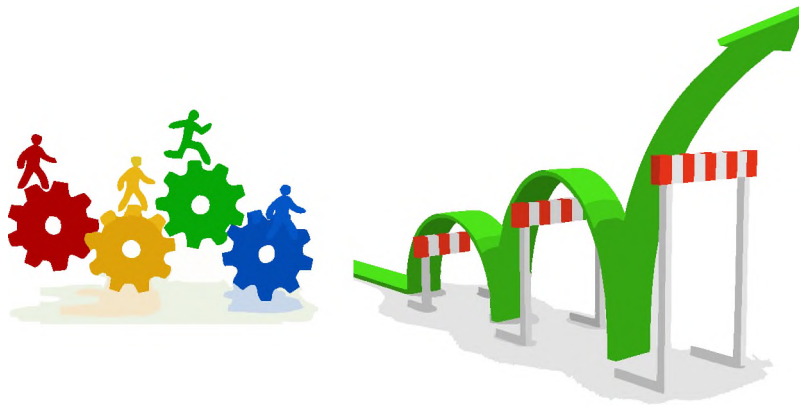


Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Trịnh Văn Tuấn nhận danh hiệu tại buổi lễ công bố Top 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2016

- Công tác quản lý dự án – tư vấn giám sát: Đây là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng được Ban quản lý tích cực triển khai và đã hoàn thành tốt. Ban quản lý đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cụ thể 4 dự án đang triển khai đều kiểm soát tốt công việc; 2 nhà máy đã phát điện lên lưới quốc gia với thời gian thi công, xây dựng và lắp máy được coi là nhanh nhất với các nhà đầu tư Việt Nam đến thời điểm hiện nay.
- Công tác mua sắm thiết bị: Chủ động, kiểm soát được các nhà sản xuất và cung cấp trong và ngoài nước. Chất lượng, giá mua đều kiểm soát tốt, có nhiều giải pháp thúc đẩy, cải thiện tiến độ sản xuất và cung cấp để đạt mốc phát điện trong năm 2016 và các nhà máy phát điện 2017.
- Vận hành nhà máy: Chủ động tuyển dụng, đào tạo, nhận chuyển giao chuyên nghiệp, tự tin. Đến nay 2 nhà máy đưa vào vận hành đang được CBCNV Công ty kiểm soát, từng bước độc lập và chủ động vận hành. Mô hình quản lý và vận hành hợp lý.
- Nghiên cứu, phát triển các dự án tiếp theo đang được tích cực triển khai, không chỉ các nhà máy thủy điện mà Ban quản lý đang nghiên cứu các nhà máy điện mặt trời, điện gió.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN



Năm 2017 được dự báo kinh tế Việt Nam có nhiều triển vọng với mức tăng trưởng GDP Chính phủ đặt ra: 6,7%, WB dự báo 6,3% trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư; Việt Nam vẫn là môi trường hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài, xuất khẩu được cải thiện, khối kinh tế tư nhân phát triển là các yếu tố chính kỳ vọng tăng trưởng kinh tế.

Đầu tư công của chính phủ kiểm soát mức bình thường, tăng trưởng đầu tư ngành điện ở mức 13%, các Tổng công ty điện lực thuộc EVN đều có kế hoạch đầu tư cao hơn năm 2016.

PCC1 tiếp tục lộ trình Chiến lược phát triển với phương châm: Đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi xây lắp công trình điện, sản xuất phục vụ ngành điện theo chiều sâu, mở rộng đầu tư, kinh doanh lĩnh vực đang triển khai có nhiều lợi thế; Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị rủi ro và quản lý chất lượng sản phẩm; Tạo nguồn lực để đột phá từ 2018 – 2020.

4.1. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

4.1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2017:

Tăng trưởng cao Phát triển PCC1 trở thành công ty hàng đầu Việt Nam, top 5 khu vực Đông Nam Á thực hiện tổng thầu EPC các công trình điện và xây dựng công trình công nghiệp.

Nhiệm vụ tổng quát:

- Bám sát các mục tiêu chiến lược trong các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư phát triển thị trường nước ngoài.
- Duy trì tốc độ đầu tư các nhà máy điện, dự án BĐS theo kế hoạch.
- Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị rủi ro và quản lý chất lượng sản phẩm.
- Tạo nguồn lực tài chính phục vụ triển khai các dự án đầu tư mới – Tạo nguồn lực để đột phá từ 2018 – 2020.
- Chủ đề năm 2017 của PCC1 là: **“Vươn ra biển lớn”**.

4.1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

TOÀN CÔNG TY QUYẾT TÂM PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2017	
Giá trị sản xuất kinh doanh	: 5.157,040 tỷ đồng.
Doanh thu	: 3.585,919 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế	
- Giá trị lợi nhuận	: 306,893 tỷ đồng.
Trích nộp ngân sách	: 175,444 tỷ đồng.
Tổng quỹ lương	: 193,824 tỷ đồng.
Thu nhập bình quân của người lao động	: 12,00 triệu đồng/người/tháng.
An toàn lao động	
- Huấn luyện an toàn lao động	: 100% Công nhân và CB kỹ thuật.
- Cấp thẻ an toàn lao động	: 100% Công nhân và CB kỹ thuật
- Khám sức khỏe định kỳ	: 100% CBNV
- Trang bị bảo hộ lao động	: 100% Công nhân và CB kỹ thuật
- Số vụ tai nạn lao động nặng	: không.

4.1.3. Nhiệm vụ kế hoạch và giải pháp thực hiện:

Đối với công tác Tổ chức và quản lý:

- Đổi mới, nâng cao năng lực quản trị nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển công ty, tập trung vào nhiệm vụ: Hoàn thành sơ đồ tổ chức và đáp ứng nguồn nhân lực hiện tại cũng như quy hoạch cho các năm tiếp theo.
- Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ để quản lý và thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2008.
- Xác định mục tiêu cụ thể năm 2017, bám sát mục tiêu chiến lược đến 2020, để triển khai trên các mặt quản lý, đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Giải pháp thực hiện:

- Triển khai Quản trị nguồn nhân lực, hình thành cơ sở xây dựng chính sách lương thưởng đãi ngộ, đánh giá, đào tạo, phát triển, đồng thời xây dựng đội ngũ kế thừa các cấp để kiện toàn bộ máy quản lý, thúc đẩy người lao động làm việc chất lượng và hiệu quả được đo lường cụ thể rõ ràng
- Tiếp tục nâng cao chất lượng môi trường làm việc, văn hóa Công ty, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung cho sơ đồ tổ chức điều chỉnh, bổ nhiệm các vị trí quản lý đáp ứng tốt các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống.
- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý; sát hạch đánh giá đối với nhân viên, công nhân.
- Sử dụng các công nghệ, phần mềm quản lý phù hợp theo tổng thể hệ thống và từng đơn vị phòng ban.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế/quy trình của Công ty, giúp Ban Lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Đối với lĩnh vực Xây lắp điện và Lắp máy:

- Tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về xây lắp công trình truyền tải điện tại Việt Nam, lộ trình trở thành một trong top 5 khu vực Đông Nam Á.
- Giữ vững vị thế và vai trò ảnh hưởng thị trường, mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư, khách hàng truyền thống, phát triển thị trường tiềm năng.
- Hoàn thành doanh thu kế hoạch, tăng năng suất và hiệu quả, đặc biệt tập trung các hợp đồng mục tiêu.
- Nâng cao năng lực thi công, quản lý điều hành chuyên nghiệp, nâng cao năng lực quản lý điều hành dự án EPC, PC, cấp ngầm cao áp, dự án nước ngoài.
- Đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến đáp ứng các yêu cầu cao của ngành về không cất điện thi công, không sử dụng cột tạm đầu nối.
- Làm tốt công tác thị trường tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Công ty lắp máy cần có chiến lược phát triển đột phá để tăng quy mô.

Đối với lĩnh vực Sản xuất Công nghiệp:

- Giữ vững và phát huy vị thế hàng đầu Việt Nam về thiết kế và cung cấp các loại cột điện cao áp, siêu cao áp. Phát huy các sản phẩm và dự án lợi thế.
- Nỗ lực làm công tác thị trường để đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo mục tiêu chiến lược.
- Xây dựng và triển khai Đề án mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm mới.
- Quản lý vận hành tốt máy móc thiết bị, nhà xưởng, phối hợp đồng bộ hiệu quả giữa 2 nhà máy.
- Công tác an toàn VSCN và công tác môi trường cần được chú trọng.

Đối với Đầu tư bất động sản:

- Nâng cao năng lực quản lý của Ban QLDA.
- Phân tích diễn biến, xu hướng thị trường để ra các quyết định đầu tư, bán hàng, thiết kế sản phẩm mới.
- Quản lý tốt các dự án Mỹ Đình Plaza 2 theo các mốc tiến độ đã thông qua – Hoàn thành Quý 2/2018. Dự án PCC1 Thanh Xuân hoàn hành Quý 2/2019.
- Phát triển dự án mới theo kế hoạch.
- Quyết toán các dự án đã hoàn thành.
- Sắp xếp cán bộ quản lý các công ty BĐS phù hợp – lộ trình chuyển đổi mô hình đầu tư.
- Phát triển các dự án mới, xây dựng kế hoạch đến năm 2020.

Giải pháp thực hiện:

- Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị xây lắp, hướng đến chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư cho nguồn nhân lực và đầu tư mua sắm thiết bị tiên tiến.
- Phân tích các đối thủ trong nước và khu vực Đông Nam Á, xây dựng tiêu chí, lộ trình phát triển cho từng năm.
- Đổi mới quy mô vốn điều lệ và các chỉ tiêu kế hoạch, cơ chế thị trường đối với các công ty thành viên.
- Đầu tư trực tiếp cho Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam và phát triển thông qua M&A.

Giải pháp thực hiện:

- Không ngừng nâng cao năng lực thiết kế và năng lực sản xuất của nhà máy.
- Bổ sung nhân sự làm công tác thị trường - đấu thầu trong nước và quốc tế.
- Thúc đẩy hợp tác đầu tư với AG – và các đối tác khác để phát triển sản phẩm mới, phát triển thị trường nước ngoài.
- Phối hợp tốt giữa các đơn vị trong toàn công ty nhằm tạo thế mạnh trong công tác thị trường, trong các hợp đồng EPC, PC.

Giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục tuyển dụng cán bộ, đào tạo, sắp xếp theo sơ đồ nhân sự.
- Sử dụng các đơn vị tư vấn phân tích đánh giá thị trường, các đơn vị dịch vụ bán hàng uy tín.
- Lựa chọn nhà thầu uy tín, năng lực để triển khai dự án.
- Hoàn thiện sản phẩm và dự án – thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Đối với Đầu tư nhà máy điện:

- Tổ chức vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy.
- Tiếp tục quản lý đầu tư nhà máy Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 3A, hoàn thành quý IV/2017.
- Thúc đẩy tiến độ sản xuất cung cấp thiết bị của Bảo Lâm 3A.
- Tiếp tục bán điện – Lộ trình pháp lý tin cậy.
- Nghiên cứu đầu tư dự án Mông Ân, Bảo Lâm 2 và các dự án thủy điện khác.
- Nghiên cứu các dự án năng lượng khác như năng lượng mặt trời, năng lượng gió... theo xu thế toàn cầu: ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo năng lượng sạch hạn chế biến đổi khí hậu trong những năm tới.

Đầu tư vốn vào các lĩnh vực khác:

- Tích cực tham gia quản lý vốn góp và hoạt động sản xuất tại Công ty CP gang thép Cao Bằng, cải thiện tình hình kinh doanh năm 2017.
- Đánh giá hiệu quả đầu tư tại Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát - Cao Bằng để quyết định các nội dung đầu tư.
- Nghiên cứu tin cậy trong đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm ngành điện, đầu tư lĩnh vực lắp máy.
- Kế hoạch thoái vốn tại Công ty CP Bê Tông Vinaincon.

Đầu tư thiết bị công nghệ:

Tiếp tục nghiên cứu đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, SXCN, xây lắp, lắp máy và đầu tư dự án, cụ thể là:

- Triển khai lựa chọn đầu tư phần mềm quản lý tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ thi công xây lắp, lắp máy.
- Tiếp tục đầu tư thiết bị, dụng cụ sản xuất cho các nhà máy SXCN.
- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong đầu tư nhà máy điện, điều khiển tự động và dự án bất động sản.

Giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục phát huy, nâng cao năng lực quản lý dự án.
- Đào tạo, điều chuyển, sắp xếp cán bộ phù hợp, phối kết hợp hiệu quả giữa các bộ phận.
- Thu xếp tài chính tin cậy cho mỗi dự án.
- Sử dụng các công ty tư vấn – Chuyên gia trong và ngoài nước để đánh giá dự án, đầu tư mới, xu hướng công nghệ, ảnh hưởng khí hậu, xu hướng nhu cầu điện năng, biến động giá mua.



PCC 1 sử dụng Navi fly thi ĐZ 500kV Sơn La - Lai Châu



PCC1 Thi Công ĐZ Siêu Cao Áp Bằng Khí Cầu

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Lĩnh vực tư vấn và dịch vụ

Tư vấn thiết kế công trình điện:

- Nâng cao năng lực thiết kế - Mục tiêu 2017 thực hiện thành công các dự án 220kV.
- Xây dựng chiến lược phát triển tư vấn thiết kế đồng bộ với chiến lược chung.

Về dịch vụ quản lý tòa nhà:

- Nâng cao năng lực quản lý vận hành dự án.
- Đào tạo, xây dựng tiêu chí công ty dịch vụ chuyên nghiệp.
- Triển khai bảo trì lớn dự án Nàng Hương.
- Khắc phục các tồn tại trong quá trình quản lý vừa qua.
- Nỗ lực khai thác, cho thuê mặt bằng văn phòng, dịch vụ tại các dự án.

Công tác Kế hoạch- Công tác thị trường:

- Tập trung thị trường trong nước: Tăng thị phần tại các khu vực có nhiều lợi thế. Tích cực mở rộng thị trường xây lắp, SXCN đối với các đơn vị ngoài EVN và thị trường nước ngoài. Nâng cao vị thế và uy tín đối với thị trường truyền thống, đảm bảo vượt sản lượng, doanh thu kế hoạch.
- Nâng cao năng lực đấu thầu chuyên nghiệp, đấu thầu quốc tế, tập trung các dự án mục tiêu: EPC, PC, cấp ngầm...
- Cập nhật quy định mới về đấu thầu, luật kinh tế quốc tế.
- Tiếp tục làm tốt công tác kế hoạch, báo cáo, phân tích, tham mưu, mục tiêu quản lý hiệu quả các hợp đồng, định hướng phân khúc thị trường.

Công tác Nghiên cứu phát triển:

- Triển khai mục tiêu chiến lược 2017.
- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quy trình phối hợp nội bộ.
- Tập trung nghiên cứu thị trường và sản phẩm đang có.
- Xúc tiến nghiên cứu, mở rộng thị trường và sản phẩm mới.
- Quản lý các dự án đầu tư đặc thù.



Tư vấn GPMB

- Tập trung GPMB các dự án do Công ty đầu tư.
- Tham gia các hợp đồng tư vấn GPMB các dự án trọng điểm ngành điện.

Giải pháp thực hiện:

- Hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện ngày càng chuyên nghiệp hơn, đồng thời tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài.
- Sử dụng hiệu quả các phân tích, đánh giá của phòng NCPT, phối hợp hiệu quả các phòng, các đơn vị, các khu vực.
- Tiếp tục mở rộng cơ chế và hỗ trợ tích cực cho các đơn vị thành viên chủ động, đủ năng lực tham gia đấu thầu.

Giải pháp thực hiện:

- Phân tích xây dựng tiêu chí nhu cầu của các sản phẩm, phân tích thị trường.
- Tăng cường mở rộng quan hệ với các đối tác chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, bộ ngành hoạch định chính sách.
- Sử dụng các chuyên gia chiến lược, chuyên gia công nghệ.

Công tác Tài chính kế toán:

Công tác tài chính:

- Kế hoạch phương án huy động vốn năm 2017 cho đầu tư dự án;
- Triển khai từng giai đoạn chiến lược tài chính Công ty, quản lý nguồn vốn đầu tư và quản lý dòng tiền một cách hiệu quả.
- Phân tích, dự báo, giải pháp ứng phó, tham mưu lãnh đạo;
- Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức cho cổ đông;
- Tăng vốn cho các đơn vị thành viên – Tạo điều kiện tăng trưởng.

Công tác kế toán:

- Làm tốt công tác tổng hợp doanh thu, giá vốn, báo cáo tài chính.
- Làm tốt công tác thanh tra thuế, kiểm toán.
- Kiểm soát hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định.
- Quyết toán, kiểm toán dự án đầu tư.
- Thu hồi vốn và công nợ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ trong hệ thống.

Công tác quản trị rủi ro:

- Căn cứ mục tiêu chiến lược, quy mô công ty phát triển các lĩnh vực khác nhau, sự cần thiết tính tuân thủ và tính chuyên nghiệp, công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro cần được triển khai nghiêm túc nhằm ngăn ngừa phòng tránh các sai sót, vi phạm và các rủi ro.

Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng mới, chỉnh sửa quy trình nội bộ.
- Thực hiện nghiêm túc dự báo sử dụng vốn tại các đơn vị.
- Đánh giá nhân viên, sắp xếp, đào tạo, luân chuyển phù hợp; Động viên, khích lệ tạo động lực làm việc.
- Cập nhật áp dụng các văn bản mới về tài chính, kế toán, thuế
- Phối hợp thường xuyên, hiệu quả với các quỹ, ngân hàng, tài chính, VCCI, cơ quan thuế trong quá trình triển khai công việc.



Giải pháp thực hiện:

- Kiểm tra, kiểm toán độc lập khách quan đối với hoạt động của các công ty con, các phòng và ban của công ty.
- Phân tích đánh giá, cùng các phòng chuyên môn nhận định các rủi ro, đề xuất giải pháp hạn chế.
- Kiểm toán độc lập tính tuân thủ luật pháp và các quy trình, quy định nội bộ.
- Kiểm tra, rà soát báo cáo tài chính.
- Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư dự án.
- Tham mưu, kiến nghị giải pháp quản trị.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn VSCN:

- Tập trung nâng cao quản lý chất lượng công trình tin cậy.
- Đáp ứng yêu cầu quản lý các dự án EPC, dự án nước ngoài.
- Quản lý, điều hành đảm bảo chất lượng, tiến độ tất cả các dự án.
- Tổ chức nghiệm thu, hoàn công, bàn giao công trình theo kế hoạch.
- Giải quyết tốt các vướng mắc phát sinh trên công trường.
- Hướng dẫn, sử dụng, khai thác hiệu quả thiết bị công nghệ thi công.
- Phát huy phong trào phát minh sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong xây lắp, SXCN, đầu tư dự án.
- Lập kế hoạch, phê duyệt, triển khai nghiên cứu, đầu tư thiết bị công nghệ.
- Tiếp tục đào tạo an toàn, quản lý công tác ATLD.

Công tác quản lý mua sắm, giao nhận vật tư thiết bị:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của phòng.
- Nâng cao hiệu quả mua sắm: chi phí, hao hụt, tồn kho, đáp ứng tiến độ sản xuất, tiến độ thi công.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng mua sắm vật tư thiết bị.
- Thực hiện tốt quy trình giao nhận – quyết toán vật tư thiết bị.
- Phương án tiếp nhận quản lý, khai thác xe cẩu chuyên dùng đầu tư mới.
- Hướng dẫn các đơn vị áp dụng các quy trình đã được đánh giá.

4.1.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Nhằm thực hiện thắng lợi chiến lược đầu tư và phát triển Công ty trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo, HĐQT Công ty sẽ xem xét cụ thể và thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 để tăng vốn điều lệ phù hợp cùng với các giải pháp huy động vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư các dự án theo lộ trình hàng năm.

Trước tình hình kinh tế Việt Nam 2017 và giai đoạn 2017 - 2018 có nhiều triển vọng tích cực, trong một giai đoạn hội nhập mới với sự cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt phức tạp, PCC1 để hoàn thành các mục tiêu cao của năm 2017 và từng bước hoàn thành mục tiêu Chiến lược phát triển 2016- 2020, đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực cao, phát huy tinh thần Đoàn kết, Đổi mới - Năng động và Sáng tạo của tập thể lãnh đạo, bộ máy quản lý và toàn thể CBNV, Công ty quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra.

Giải pháp thực hiện:

- Tuyển dụng bổ sung kỹ sư, giám đốc dự án theo nhu cầu.
- Phát huy năng lực của bộ phận nghiên cứu công nghệ, tạo ra nhiều đề tài, kết quả, sản phẩm đặc thù của PCC1 - được ứng dụng trong hoạt động quản lý và SXKD.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ, trang bị thiết bị quản lý, giám sát, lưu trữ.
- Hoàn thiện các chế tài cần thiết trong quản lý chất lượng công trình và ATLD.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy trình chuẩn về quản lý, vận hành máy móc thiết bị.
- Hoàn thiện quy trình ISO 9001-2015 – Đánh giá cấp chứng nhận cuối 2017.
- Kết nối, hợp tác, sử dụng các chuyên gia, đơn vị chuyên ngành.

Giải pháp thực hiện:

- Hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức, đào tạo, sắp xếp nhân sự phù hợp.
- Sử dụng công cụ phần mềm quản lý vật tư thiết bị, tồn kho.
- Sớm vận hành ngân hàng nhà cung cấp – Sử dụng rộng rãi minh bạch – cho cả các đơn vị thành viên.
- Phối hợp các phòng ban, đơn vị lựa chọn nhà cung cấp tin cậy.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016, trên cơ sở đánh giá phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, kinh tế ngành, căn cứ nguồn lực và thế mạnh của Công ty, Ban lãnh đạo đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn xây dựng các mục tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu tăng trưởng năm trong lộ trình giai đoạn đầu của các mục tiêu chiến lược 2016-2020.

Năm 2016, toàn Công ty đã nỗ lực khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn thử thách, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, quyết tâm và sáng tạo trong lãnh đạo và điều hành, đạt giá trị sản xuất kinh doanh 4.052 tỷ đồng, doanh thu trên 3.000 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, thu nhập người lao động được đảm bảo, đời sống tinh thần được nâng cao, người lao động phấn khởi yên tâm làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- Công tác xây lắp và sản xuất công nghiệp trong năm đã đáp ứng được yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng, các dự án đầu tư và hợp tác đầu tư vẫn tiếp tục thực hiện tốt. Đồng thời đẩy mạnh công tác đấu thầu, bước đầu xúc tiến thị trường quốc tế, làm cơ sở thực hiện theo chiến lược phát triển mở rộng tại các Tổng công ty điện lực miền, khu công nghệ.
- Công tác quản trị rủi ro, quản trị hệ thống, quản lý chất lượng sản phẩm được chú trọng. Công ty đã rất quan tâm đến công tác kiểm soát nội bộ, thành lập các đoàn kiểm tra để rà soát, đánh giá thực trạng của một số Công ty trong hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các mặt còn tồn tại, yếu kém nâng cao hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên.
- Ban hành và định kỳ sửa đổi những qui định, qui chế trong nội bộ Công ty để việc điều hành cũng như thực hiện đạt kết quả tốt nhất.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông ở mức 20%, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân đạt mức trên 11 triệu đồng/người/tháng.
- Chất lượng các công tác: Công tác Tổ chức và quản lý, công tác kế hoạch và thị trường, công tác tài chính - kế toán, công tác kỹ thuật công nghệ, công tác mua sắm và quản lý vật tư thiết bị, công tác sản xuất công nghiệp, công tác thực hiện các hợp đồng EPC và hợp đồng xuất khẩu, công tác tư vấn và dịch vụ đều đã được thực hiện tốt và





2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai các Nghị quyết của HĐQT Công ty, Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy chế của Công ty đã đề ra.
- Tổng Giám đốc đã duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban tuần, triển khai họp kế hoạch tháng, triển khai họp kế hoạch quý, tổng kết năm và các cuộc họp với từng phòng ban Công ty. Nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty, những khó khăn vướng mắc được giải quyết trong cuộc họp.
- Tùy theo tình hình sản xuất từng thời điểm, Tổng giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để việc điều hành đạt kết quả tốt nhất.
- Trong năm 2016, dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Công ty đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn thử thách, nâng cao năng lực quản lý hệ thống, điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế.
- PCC1 vinh dự nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016. Đồng thời, năm 2016 là năm thứ 3 liên tiếp Công ty nằm trong Top 50 Doanh nghiệp thành tựu và xuất sắc nhất.
- Kết thúc năm 2016, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.



3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mục tiêu chủ yếu:

- Tiếp tục phát triển thương hiệu PCC1, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế/quy trình của Công ty, giúp Ban Lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.
- Triển khai thực hiện Quản trị nguồn nhân lực, hình thành cơ sở xây dựng chính sách lương thưởng đãi ngộ, đánh giá, đào tạo, phát triển, đồng thời xây dựng đội ngũ kế thừa các cấp để kiện toàn bộ máy quản lý, thúc đẩy người lao động làm việc chất lượng, hiệu quả được đo lường cụ thể rõ ràng.
- Hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện ngày càng chuyên nghiệp hơn, đồng thời tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Không ngừng cải tiến trang thiết bị, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến nhất nhằm rút ngắn tiến độ thi công nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng công trình.
- Mở rộng thị trường và sản phẩm ra ngoài ngành điện, phát triển thị trường nước ngoài và thị trường tổng thầu EPC, PC xây lắp điện với tất cả các cấp điện áp, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định.
- Tăng cường công tác quản trị Doanh nghiệp, Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBNV nhằm khuyến khích sự nỗ lực gắn bó lâu dài của CBNV với Công ty.
- Tối đa hóa lợi nhuận, mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông.
- Phát triển Công ty song song với việc tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xác định xây lắp và sản xuất công nghiệp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong toàn bộ cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Bên cạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh then chốt và các dự án đầu tư hiện tại, Công ty xây dựng chiến lược đầu tư và hợp tác đầu tư vào những ngành hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính của Công ty hoặc đầu tư vào các ngành nghề có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai.
- Chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm để phát triển Công ty theo hướng bền vững.
- Thực hiện phát triển Công ty theo định hướng chiến lược 2016-2020 và tầm nhìn 2030.

Luôn luôn tin cậy



PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị
3. Hoạt động của Ban Kiểm soát
4. Thù lao của HĐQT và BKS
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, BGD



1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



BAN KIỂM SOÁT





2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị PCC1 triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHQT. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng để Ban giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc gửi phiếu lấy ý kiến về các vấn đề của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Năm 2016, Hội đồng Quản trị đã họp 14 cuộc họp và thống nhất quyết định một số nội dung chính sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Biên bản	Ngày	Nội dung
1	11/PLYK-PCC1-HĐQT	18/01/2016	Chấp thuận đơn xin thôi giữ chức vụ Giám đốc của ông Phan Thế Huân và bổ nhiệm ông Lê Đức Trường giữ chức vụ Giám đốc Công ty PCC1 - Mỹ Đình. Thời gian thực hiện: kể từ ngày 20/01/2016
2	08/BB-PCC1-HĐQT	04/02/2016	Thông qua Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Bảo Lâm 3A
3	12/PLYK-PCC1-HĐQT	23/02/2016	Đổi tên Phòng Phát triển thị trường Công ty thành Phòng Nghiên cứu phát triển. Thời gian thực hiện: kể từ ngày 01/3/2016.
4	13/PLYK-PCC1-HĐQT	03/03/2016	Chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Chi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông. Thời gian thực hiện: kể từ ngày 10/3/2016.
5	14/PLYK-PCC1-HĐQT	18/03/2016	Tăng Vốn điều lệ Công ty PCC1-Miền Bắc từ 3 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng. Thời gian thực hiện: kể từ ngày 01/4/2016.
6	15a/PLYK-PCC1-HĐQT	25/03/2016	Sáp nhập Tổng đội xây lắp điện 5 vào Công ty PCC1 - Hà Đông kể từ ngày 29/3/2016
			Bổ nhiệm ông Hoàng Khắc Cảnh giữ chức vụ Giám đốc PCC1-Hà Đông kể từ ngày 29/3/2016
7	09/BB-PCC1-HĐQT	05/02/2016	Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu giai đoạn 1 Dự án thủy điện Bảo Lâm 3A
8	10/BB-PCC1-HĐQT	19/02/2016	Phê duyệt Kết quả đấu thầu Gói thầu XD 01: Xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình tạm - Dự án thủy điện Bảo Lâm 3A
			Phê duyệt Kết quả đấu thầu Gói thầu TB 02: Cung cấp, vận chuyển, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật thiết bị cơ khí thủy công - Dự án thủy điện Bảo Lâm 3A
9	11/BB-PCC1-HĐQT	09/03/2016	Phê duyệt Kết quả đấu thầu Gói thầu TB 01: Cung cấp thiết bị cơ điện đồng bộ - Dự án thủy điện Bảo Lâm 3A
10	12a/BB-PCC1-HĐQT	11/04/2016	Thông qua kế hoạch, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
	12b/BB-PCC1-HĐQT		Phê duyệt Vốn đầu tư dự án Mỹ Đình Plaza 2
11	13/BB-PCC1-HĐQT	10/05/2016	Phê duyệt hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây cho dự án thủy điện Bảo Lâm 3A

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Biên bản	Ngày	Nội dung
12	14/BB-PCC1-HĐQT	02/06/2016	Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Tập đoàn Tân Mai và tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Mỹ Đình để thực hiện đầu tư dự án Tổ hợp trung tâm, thương mại, văn phòng, căn hộ chung cư và các chức năng công cộng khác tại Đường Nguyễn Hoàng - P. Mỹ Đình 2 - Nam Từ Liêm - Hà Nội (Mỹ đình Plaza 2)
13	15b/PLYK-PCC1-HĐQT	13/06/2016	Góp vốn điều lệ phần vốn tăng thêm tại Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát
			Góp vốn điều lệ phần vốn tăng thêm tại Công ty CP Thủy điện Trung Thu
14	15/BB-PCC1-HĐQT	20/06/2016	Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của PCC1
15	16/PLYK-PCC1-HĐQT	26/06/2016	Góp vốn điều lệ phần vốn tăng thêm tại Công ty CP Đầu tư địa ốc Mỹ Đình
16	16/BB-PCC1-HĐQT	08/07/2016	Đàm phán và lựa chọn quỹ đầu tư cho đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2016
17	17/BB-PCC1-HĐQT	01/08/2016	Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18	17a/PLYK-PCC1-HĐQT	23/08/2016	Phê duyệt Quy chế trả lương (sửa đổi lần 4) của Công ty PCC1-Hà Nội
			Phê duyệt Quy chế trả lương (sửa đổi lần 5) của Công ty PCC1 Miền Nam
	17b/PLYK-PCC1-HĐQT		Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án Trung tâm thương mại & nhà ở căn hộ xây lắp điện I.
19	18/PLYK-PCC1-HĐQT	29/08/2016	Thành lập Phòng Quản trị Tổng hợp
			Đổi tên Ban Quản lý đầu tư thành Ban Quản lý dự án Bất động sản
			Đổi tên Ban Quản lý dự án thủy điện thành Ban Quản lý dự án Năng lượng
20	18/BB-PCC1-HĐQT	05/09/2016	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình
21	19/BB-PCC1-HĐQT	04/10/2016	Phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện niêm yết cổ phiếu PCC1 trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
22	19/PLYK-PCC1-HĐQT	24/10/2016	Bổ nhiệm ông Trần Anh Tuấn giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu - Phát triển từ ngày 01/11/2016.
			Bổ nhiệm ông Đỗ Quý Tín giữ chức vụ Giám đốc điều hành Ban quản lý dự án bất động sản từ ngày 01/11/2016.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Biên bản	Ngày	Nội dung
23	19b/PLYK-PCC1-HĐQT	14/11/2016	Góp vốn điều lệ Công ty CP thủy điện Bảo Lâm
24	20a/BB-PCC1-HĐQT	02/12/2016	Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016 và định hướng SXKD năm 2017
	20b/BB-PCC1-HĐQT		Vốn đầu tư, kế hoạch đấu thầu, bán hàng của dự án Tổ hợp thương mại, văn phòng, căn hộ chung cư và các chức năng công cộng khác tại đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội (Mỹ Đình Plaza 2)
	20c/BB-PCC1-HĐQT		Thông qua Vốn đầu tư dự án Khu nhà ở PCC1 Thanh Xuân tại 44 Triều khúc, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
	20d/BB-PCC1-HĐQT		Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng công trình thủy điện Mông Ân
25	20/PLYK-PCC1-HĐQT	20/12/2016	Bổ nhiệm ông Trần Văn Thủy giữ chức vụ Phó Giám đốc PCC1-Mỹ Đình kể từ ngày 01/01/2017.

Trước các buổi họp, thư ký đã gửi thư triệu tập kèm chương trình họp và các tài liệu liên quan đến các nội dung họp tới các thành viên HĐQT theo đúng qui định. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình SXKD của Công ty và triển khai thực hiện các Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm: Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Công ty thành viên; Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo thẩm định báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo sản xuất kinh doanh.

Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát như sau:

- Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng quản trị Công ty .
- Tham gia họp kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý, tổng kết năm do Tổng giám đốc Công ty chủ trì.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tất cả các lĩnh vực: xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư bất động sản, đầu tư dự án thủy điện...
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu;
- Thẩm định báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; việc chấp hành điều lệ Công ty; chấp hành Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, quản lý.



4. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của HĐQT trong năm 2016 như sau:

Chức danh	Phụ cấp 1 tháng (đồng)	Phụ cấp năm 2016 (đồng)
Ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch	10.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ - Ủy viên	2.000.000	24.000.000
Ông Vũ Văn Tứ - Ủy viên	2.000.000	24.000.000
Ông Võ Hồng Quang - Ủy viên	2.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương - Ủy viên	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng	18.000.000	216.000.000

Thù lao của BKS trong năm 2016 như sau:

Chức danh	Phụ cấp 1 tháng (đồng)	Phụ cấp năm 2016 (đồng)
Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Trưởng ban	6.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên	1.500.000	18.000.000
Ông Nguyễn Quang Vũ - Thành viên	1.500.000	18.000.000
Tổng cộng	9.000.000	108.000.000







5. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

Chức danh	Cổ phần sở hữu (31/12/2016)	Tỷ lệ sở hữu (31/12/2016)
- Hội đồng Quản trị:		
Ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch	15.679.922	20.83%
Ông Nguyễn Minh Đệ - Ủy viên	1.149.138	1.53%
Ông Vũ Văn Tứ - Ủy viên	206.304	0.27%
Ông Võ Hồng Quang - Ủy viên	1.653.554	2.20%
Bà Nguyễn Thị Hương - Ủy viên	998.665	1.33%
- Ban Kiểm soát:		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Trưởng ban	12.948	0.02%
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên	39.895	0.05%
Ông Nguyễn Quang Vũ - Ủy viên	18.505	0.02%
- Ban Giám đốc:		
Ông Trịnh Văn Tuấn - Tổng GD	15.679.922	20.83%
Ông Vũ Văn Tứ - Phó TGD	206.304	0.27%
Ông Đặng Văn Nghĩa - Phó TGD	156.386	0.21%
Ông Võ Hồng Quang - Phó TGD	1.653.554	2.20%
Ông Nguyễn Nhật Tân - Phó TGD	2.870.236	3.81%
Ông Nguyễn Minh Đệ - Phó TGD	1.149.138	1.53%
- Kế toán trưởng:		
Bà Trần Thị Minh Việt - Kế toán trưởng	78.557	0,10%



PHẦN VI: BẢO CẢO TẠI CHỖ





Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 mời quý cơ quan hữu quan, quý cổ đông, nhà cung cấp xem tại Website Công ty www.pcc1.vn - Trang dành cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐIỆN I
S.Đ.Κ.Κ.Đ : 0100100746 C.T.Κ.Π
Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI


TRỊNH VĂN TUẤN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất	05 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Chủ tịch
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vũ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lý Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Mỹ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017



Phạm Thị Xuân Thu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1462-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.045.729.494.338	2.120.773.137.942
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	418.609.736.913	571.111.239.466
111	1. Tiền		91.474.736.913	51.231.239.466
112	2. Các khoản tương đương tiền		327.135.000.000	519.880.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.046.245.116.424	961.063.528.403
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	798.590.805.241	665.147.641.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	179.677.293.162	253.997.653.530
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1.250.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	70.775.619.604	48.508.636.746
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.048.601.583)	(6.590.403.625)
140	IV. Hàng tồn kho	8	532.292.830.200	568.013.972.374
141	1. Hàng tồn kho		532.558.017.926	574.002.948.228
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(265.187.726)	(5.988.975.854)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.581.810.801	20.584.397.699
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.666.190.070	2.586.975.773
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		24.778.946.571	17.923.544.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	136.674.160	73.877.198

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.483.821.512.836	1.142.704.591.594
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		86.326.790.483	78.524.490.483
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	86.326.790.483	78.524.490.483
220	II. Tài sản cố định		919.782.491.239	96.558.329.235
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	918.674.421.239	95.249.931.344
222	- Nguyên giá		1.130.115.815.900	278.991.455.279
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(211.441.394.661)	(183.741.523.935)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.108.070.000	1.308.397.891
228	- Nguyên giá		1.387.356.000	10.913.551.854
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(279.286.000)	(9.605.153.963)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	107.357.648.931	87.716.760.734
231	- Nguyên giá		120.617.951.458	96.348.430.488
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.260.302.527)	(8.631.669.754)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1.191.007.191.434	706.079.167.172
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.191.007.191.434	706.079.167.172
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	85.425.202.195	154.966.539.744
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		80.603.432.195	150.144.769.744
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.821.770.000	4.821.770.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		93.922.188.554	18.859.304.226
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	11.795.093.661	13.047.296.827
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.a	692.682.882	5.812.007.399
269	3. Lợi thế thương mại		81.434.412.011	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.529.551.007.174	3.263.477.729.536

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.466.876.874.531	1.893.092.632.119
310	I. Nợ ngắn hạn		1.376.638.978.658	1.287.284.176.241
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	815.099.409.382	440.511.327.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	63.893.849.784	384.846.248.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	105.795.809.759	93.158.010.135
314	4. Phải trả người lao động		53.183.433.642	66.321.772.637
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	57.815.523.326	84.271.733.872
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		613.657.104	511.703.547
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	41.641.450.809	41.997.672.007
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	134.756.703.365	63.061.128.705
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	69.365.525.507	95.193.280.668
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		34.473.615.980	17.411.298.750
330	II. Nợ dài hạn		1.090.237.895.873	605.808.455.878
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	278.605.541	241.982.921
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	981.148.786.110	461.458.658.203
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.b	15.291.361.258	3.099.893.748
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	93.519.142.964	141.007.921.006
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.062.674.132.643	1.370.385.097.417
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.062.674.132.643	1.370.385.097.417
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		752.629.140.000	341.694.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		752.629.140.000	341.694.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		369.631.183.318	105.674.669.318
415	3. Cổ phiếu quỹ		(4.320.000)	(4.320.000)
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		432.841.146	432.841.146
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		56.788.473.123	45.303.476.444
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.684.934.477	9.399.424.872
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		764.936.664.360	797.851.432.411
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		460.230.687.441	552.382.564.517
421b	LNST chưa phân phối năm nay		304.705.976.919	245.468.867.894
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		104.575.216.219	70.032.723.226
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.529.551.007.174	3.263.477.729.536

[Handwritten signatures]

Phạm Thị Thanh Bình
Người lập

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		400.856.237.533	319.140.132.685
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		35.997.760.267	24.212.044.322
03	- Các khoản dự phòng		(74.215.515.877)	66.258.524.131
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.193.887)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		48.667.417.628	2.791.017.566
06	- Chi phí lãi vay		19.680.285.367	10.432.262.854
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		430.980.991.031	422.833.981.558
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(186.145.124.402)	(469.634.262.874)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		41.444.930.302	52.058.062.245
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(239.915.449.349)	287.707.868.298
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		280.035.177	(1.905.079.419)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.960.644.266)	(10.520.822.160)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(79.938.970.117)	(78.191.548.615)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.962.960	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.141.986.361)	(11.041.473.802)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.295.255.025)	191.306.725.231
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(992.973.628.780)	(569.411.400.329)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		492.727.273	2.662.236.390
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.250.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(87.199.952.391)	(53.211.230.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	330.664.077
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.871.887.092	6.902.921.232
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.089.058.966.806)	(612.726.808.630)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		414.363.694.000	243.096.321.818
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.253.960.145.992	1.055.074.576.660
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(669.349.941.937)	(720.194.605.563)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(126.372.664)	(352.835.628)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		998.847.525.391	577.623.457.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 752.629.140.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 752.629.140.000 đồng; tương đương 75.262.914 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Xây lắp điện, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh bất động sản, Đầu tư thủy điện.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng; Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện;

- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo nghề xây lắp điện;

- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Lắp đặt hệ thống điện;

- Tư vấn đầu tư;

- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Khai thác quặng sắt;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- Sản xuất sắt, thép, gang;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ thực góp
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hà Nội	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Bắc	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	Số 138 Trần Bình, P. Mỹ Đình 2, Q Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Từ Liêm	Tổ 19, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hà Đông	Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	Số 471, đường Nguyễn Tam Trinh, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Phụ gia Việt Nam	P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	51%	48%
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phú	Cụm Công nghiệp Tân Tiến, xã Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên.	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Số nhà 157, Tổ dân phố 16 phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ	60%	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Thôn Đình Thôn - Mỹ đình 1 - Quận Nam từ liêm - Hà nội	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Số 138 Trần Bình, P Mỹ Đình 2, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bảo Lâm	Thôn Nà Pồng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng	100%	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Số 44 Phố Triều Khúc, P.Thanh Xuân Nam, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	98,42%	98,42%

Công ty có 02 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 đó là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ thực góp
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	25,09%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	28,76%	28,76%

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ đã thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phi khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ dài: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	04 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
--------------------------	---------	-----

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Cơ sở ghi nhận khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp và các công trình gia công cột thép là 3% - 5% trên doanh thu được xác định chắc chắn, được khách hàng chấp nhận, căn cứ theo điều khoản bảo hành trên hợp đồng và xét đoán về khả năng bảo hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc hoàn nhập dự phòng phải trả được xử lý theo nguyên tắc:

- Đối với bảo hành sản phẩm (cột thép): Chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Đối với bảo hành công trình xây lắp: Chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập lớn hơn số chi phí thực tế phát sinh (theo từng công trình) được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn và Phiếu giá thanh toán A-B đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/giá trị thanh toán giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT).

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá vốn công trình xây lắp: Đối với các công trình xây lắp đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế Thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	15.058.392.526	13.076.512.699
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.416.344.387	38.154.726.767
Các khoản tương đương tiền	327.135.000.000	519.880.000.000
	<u>418.609.736.913</u>	<u>571.111.239.466</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại và Tổ chức tín dụng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và đến dưới 12 tháng được gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực với lãi suất bậc thang từ 4,6% đến 7,0%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	80.603.432.195	150.144.769.744
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	52.387.432.195	113.344.769.744
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	28.216.000.000	36.800.000.000
Đầu tư vào các đơn vị khác	4.821.770.000	4.821.770.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng BIDV	821.770.000	821.770.000
	85.425.202.195	154.966.539.744

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ thực góp
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản	25,09%	25,09%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản	28,76%	28,76%

Đầu tư vào các đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2016:

Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ thực góp
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	10,00%	10,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Hà Nội	Ngân hàng	0,0014%	0,0014%

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	202.938.175.829	221.539.830.746
- Ban QLDA Lưới điện Hà Nội	43.683.289.274	-
- Ban QLDA Lưới điện	-	66.934.513.890
- Ban QLDA các Công trình Điện Miền Trung	27.429.830.610	27.300.649.416
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	22.473.183.870	29.736.178.870
- Các khoản phải thu khách hàng khác	502.066.325.658	319.636.468.830
	<u>798.590.805.241</u>	<u>665.147.641.752</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	<u>17.611.879.242</u>	<u>7.269.053.000</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán có số dư lớn		
Dongfang Electric International Corporation	43.213.882.946	16.058.767.356
Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (MIE)	923.585.971	5.733.733.700
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	2.562.823.802	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu(ACIT)	8.155.265.547	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	124.821.734.896	232.205.152.474
	<u>179.677.293.162</u>	<u>253.997.653.530</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.555.556	-	175.250.000	-
Tạm ứng	32.071.033.916	-	32.500.460.901	-
Ký cược, ký quỹ	52.400.000	-	284.788.227	-
Phải thu BHXH của CBNV	885.542.836	-	396.450.041	-
Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình	2.291.697.689	-	258.601.715	-
Phải thu về tiền tạm ứng chi đền bù	10.585.052.684	-	6.892.013.254	-
Phải thu khác	24.814.336.923	(2.570.187.890)	8.001.072.608	(2.570.187.890)
	70.775.619.604	(2.570.187.890)	48.508.636.746	(2.570.187.890)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.462.873.500	-	660.573.500	-
Phải thu khác (*)	77.863.916.983	-	77.863.916.983	-
	86.326.790.483	-	78.524.490.483	-

(*): Đây là khoản ứng trước tương ứng với lợi ích cố định được hưởng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai trong Dự án xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư cao cấp và các chức năng công cộng khác theo Giấy phép đầu tư số 7665/UBND-KH&ĐT của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 trên cơ sở của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2011/HĐHTKD ngày 18/01/2011 và phụ lục VI ngày 20/07/2015 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình. Sau khi ứng khoản thụ hưởng trên, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai sẽ không còn bất kỳ quyền lợi gì liên quan đến Dự án trên và phải hoàn thành thủ tục bàn giao, chuyển quyền sử dụng 6.028m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L117423 (vào sổ số 00426) do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2000 và Hợp đồng thuê đất số 08-99 ngày 14/05/1999 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	17.274.025.860		2.732.032.644	-
Nguyên liệu, vật liệu	94.159.325.920	(265.187.726)	60.644.565.827	(5.988.975.854)
Công cụ, dụng cụ	2.157.063.260	-	1.736.601.783	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	414.275.464.565	-	508.889.747.974	-
Thành phẩm	3.523.309.035	-	-	-
Hàng hoá	1.168.829.286	-	-	-
	532.558.017.926	(265.187.726)	574.002.948.228	(5.988.975.854)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:	23.578.041.095	307.731.787.373
Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình - Mỹ Đình Plaza	23.578.041.095	23.578.041.095
Khu hỗn hợp nhà ở PCC1-Hà Đông	-	284.153.746.278
Hoạt động xây lắp:	124.114.009.491	88.221.866.935
Gói 3 lô 3.3 xây lắp ĐZ đầu nối dự án Trạm biến áp 500kV Phố Nối và ĐZ đầu nối	-	6.197.824.537
Gói 4 ĐZ 220kV Trục Ninh cắt ĐZ 220kV Ninh Bình - Nam Định	3.460.190.500	6.366.775.361
Gói 9 xây lắp trạm và đường dây nhánh rẽ dự án Trạm biến áp 220kV Bảo Lâm và đầu nối	7.589.180.976	-
Lô 10.1 xây lắp đường dây 500/220kV và mở rộng Trạm biến áp 500kV Hiệp Hòa dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	3.457.224.254	-
Gói 9 lô 9.3 xây lắp đường dây và ngăn xuất tuyến G41 - ĐC dự án đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn	4.341.997.512	-
Các công trình khác	105.265.416.249	75.657.267.037
Hoạt động sản xuất công nghiệp:	2.553.524.446	-
GCCT ĐZ220kV Ninh Bình - Nam Định	2.553.524.446	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác:	1.839.610.443	961.020.588
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các Công ty con	262.190.279.090	111.975.073.078
	414.275.464.565	508.889.747.974

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.190.258.867.672	705.778.655.882
+ Dự án thủy điện Bảo Lâm 1	645.472.175.716	260.669.567.028
+ Dự án thủy điện Bảo Lâm 3	438.323.248.904	100.286.937.936
+ Dự án thủy điện Bảo Lâm 3A	96.529.087.256	2.118.489.677
+ Dự án thủy điện Trung Thu	-	333.174.990.074
+ Dự án thủy điện khác	9.934.355.796	9.528.671.167
- Sửa chữa lớn	748.323.762	300.511.290
+ Nâng cấp xưởng Yên Thường	748.323.762	300.511.290
	<u>1.191.007.191.434</u>	<u>706.079.167.172</u>

Cụm Dự án Thủy điện Bảo Lâm thuộc xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000149 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 21/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/09/2014, công suất 30MW, tổng mức đầu tư 915 tỷ, khởi công từ quý 2/2014, đã khánh thành vào ngày 08/01/2017.

- Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000151 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 21/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/09/2014, công suất 46MW, tổng mức đầu tư 1.393 tỷ, khởi công từ quý 2/2015, dự kiến hoàn thành vào quý 4/2017.

- Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A hoạt động theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2548 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp ngày 25/12/2015, công suất 08MW, tổng mức đầu tư 252,98 tỷ, khởi công từ quý 1/2016, dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2017.



10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	59.849.205.045	148.728.594.499	62.567.518.389	7.218.579.497	627.557.849	278.991.455.279
- Mua trong năm	2.773.396.364	7.827.351.445	13.328.345.833	1.819.706.400	-	25.748.800.042
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	492.709.496.014	334.419.075.464	-	-	-	827.128.571.478
- Tăng do hợp nhất Công ty con	5.660.672.440	3.246.032.834	-	-	119.570.822	9.026.276.096
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.740.466.538)	(997.320.457)	(41.500.000)	-	(10.779.286.995)
Số dư cuối năm	560.992.769.863	484.480.587.704	74.898.543.765	8.996.785.897	747.128.671	1.130.115.815.900
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39.783.268.099	105.639.178.167	33.238.548.930	4.581.179.192	499.349.547	183.741.523.935
- Khấu hao trong năm	7.978.991.395	13.756.210.269	6.571.364.798	1.094.099.742	52.059.506	29.452.725.710
- Khấu hao tăng do hợp nhất	5.660.297.761	3.246.032.834	-	-	119.570.822	9.025.901.417
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.740.466.538)	(997.320.457)	(40.969.406)	-	(10.778.756.401)
Số dư cuối năm	53.422.557.255	112.900.954.732	38.812.593.271	5.634.309.528	670.979.875	211.441.394.661
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	20.065.936.946	43.089.416.332	29.328.969.459	2.637.400.305	128.208.302	95.249.931.344
Tại ngày cuối năm	507.570.212.608	371.579.632.972	36.085.950.494	3.362.476.369	76.148.796	918.674.421.239

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 824.255.405.175 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 132.205.895.488 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.634.265.854	279.286.000	10.913.551.854
- Giảm do chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm	(9.526.195.854)	-	(9.526.195.854)
Số dư cuối năm	1.108.070.000	279.286.000	1.387.356.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.332.090.615	273.063.348	9.605.153.963
- Khấu hao trong năm	194.105.239	6.222.652	200.327.891
- Giảm do chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm	(9.526.195.854)	-	(9.526.195.854)
Số dư cuối năm	-	279.286.000	279.286.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.302.175.239	6.222.652	1.308.397.891
Tại ngày cuối năm	1.108.070.000	-	1.108.070.000

(*) Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất đất vô thời hạn tại thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm với tổng diện tích 122,6 m² đang được sử dụng làm Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Yên Thường với nguyên giá là 1.108.070.000 VND.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chung cư Nàng Hương VND	Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Chung cư PCCI Hà Đông Complex VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.076.525.175	85.271.905.313	-	96.348.430.488
Tăng trong năm	-	-	24.269.520.970	24.269.520.970
Số dư cuối năm	11.076.525.175	85.271.905.313	24.269.520.970	120.617.951.458
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.105.632.368	6.526.037.386	-	8.631.669.754
- Khấu hao trong năm	399.871.729	3.739.381.115	489.379.929	4.628.632.773
	2.505.504.097	10.265.418.501	489.379.929	13.260.302.527
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	8.970.892.807	78.745.867.927	-	87.716.760.734
Tại ngày cuối năm	8.571.021.078	75.006.486.812	23.780.141.041	107.357.648.931

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.354.460.702	1.848.740.484
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	647.881.177
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.311.729.368	90.354.112
	3.666.190.070	2.586.975.773
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.086.968.690	6.238.887.477
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.196.501.678	2.685.543.798
Thuế đất trả trước nhiều năm	203.602.081	259.799.053
Thuế nhà, nhà xưởng chờ phân bổ	-	174.904.995
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.308.021.212	3.688.161.504
	11.795.093.661	13.047.296.827

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
a) Vay ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	63.061.128.705	63.061.128.705
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	63.061.128.705	63.061.128.705
b) Vay dài hạn		
- Vay dài hạn	461.458.658.203	461.458.658.203
	461.458.658.203	461.458.658.203
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	461.458.658.203	461.458.658.203

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Công ty Tài chính Cổ Phần Điện Lực

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Các đối tượng khác



Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Trong năm		31/12/2016	
Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
710.892.730.230	651.393.073.942	122.560.784.993	122.560.784.993
12.195.918.372	-	12.195.918.372	12.195.918.372
723.088.648.602	651.393.073.942	134.756.703.365	134.756.703.365
549.842.914.274	17.956.867.995	993.344.704.482	993.344.704.482
549.842.914.274	17.956.867.995	993.344.704.482	993.344.704.482
(12.195.918.372)	-	(12.195.918.372)	(12.195.918.372)
		981.148.786.110	981.148.786.110
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		16.360.649.443	-
		30.049.332.914	23.610.461.588
		55.827.787.395	25.258.056.060
		-	3.506.360.557
		13.948.015.241	3.756.250.500
		6.375.000.000	6.930.000.000
		122.560.784.993	63.061.128.705

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	<u>Loại tiền</u>	<u>Lãi suất năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Hà Tây	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển Năng lượng tái tạo (REDP) của WB
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam- Sở giao dịch	VND	Tổng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng và biên độ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển Năng lượng tái tạo (REDP) của WB

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng



Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản	310.981.723.456	139.096.289.897
180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản	151.404.963.559	57.915.551.676
48 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản	669.387.752	-
180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản	530.288.629.715	264.446.816.630
		<u>993.344.704.482</u>	<u>461.458.658.203</u>
		12.195.918.372	-
		<u>981.148.786.110</u>	<u>461.458.658.203</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	61.204.541.322	61.204.541.322	41.970.189.390	41.970.189.390
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng HOLDINGS	40.157.117.583	40.157.117.583	18.611.703.596	18.611.703.596
Tianjin Tianfa Heavy Machinery & Hydropower Equipment Manufacture	113.084.153.177	113.084.153.177	579.396.677	579.396.677
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	59.918.434.953	59.918.434.953	-	-
Dongfang Electric International	43.213.882.946	43.213.882.946	-	-
Phải trả các đối tượng khác	497.521.279.401	497.521.279.401	379.350.038.253	379.350.038.253
	815.099.409.382	815.099.409.382	440.511.327.916	440.511.327.916

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Ban quản lý Dự án Phát triển Cơ sở Hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	13.985.646.942	-
Dự án nhà ở Thương mại PCCI Complex Hà Đông	-	342.140.711.410
Các khoản người mua trả tiền trước khác	49.908.202.842	42.705.536.594
	63.893.849.784	384.846.248.004

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng khác (*)	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	24.122.092.532	69.702.920.286	293.381.753	84.014.757.149	105.162.495	10.208.799.917
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	997.984.786	-	997.984.786	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	65.263.724	49.361.311.340	78.915.269.310	619.668.285	79.938.970.117	28.401.850	48.920.416.944
Thuế Thu nhập cá nhân	8.613.474	587.354.759	3.850.665.446	125.640.555	4.031.595.975	3.000.000	526.451.311
Thuế Tài nguyên	-	-	486.609.488	-	-	-	486.609.488
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	19.068.195.626	95.497.960.615	221.077.556	69.133.811.513	109.815	45.653.532.099
Các loại thuế khác	-	134.400	658.359.382	-	658.493.782	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.921.478	1.623.054.343	-	1.641.975.821	-	-
	73.877.198	93.158.010.135	251.732.823.656	1.259.768.149	240.417.589.143	136.674.160	105.795.809.759

(*)Tăng do hợp nhất Công ty con: Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Hòa Bình và điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế tại Công ty con.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.382.194.786	1.908.421.080
- Chi phí trích trước các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	41.222.848.406	81.310.660.849
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	1.773.487.528	316.872.942
- Chi phí vận chuyển	1.711.258.100	-
- Chi phí nguyên vật liệu	4.469.457.223	-
- Chi phí phải trả khác	4.256.277.283	735.779.001
	57.815.523.326	84.271.733.872

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.366.518.809	1.495.411.855
- Bảo hiểm xã hội	896.211.825	726.603.888
- Bảo hiểm y tế	248.928.265	269.978.173
- Bảo hiểm thất nghiệp	183.429.100	139.607.611
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	74.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	430.565.811	556.938.475
- Phải trả lãi vay	28.914.775	241.484.199
- Tạm ứng	9.070.165.182	19.231.455.732
- Tiền bảo trì dự án bất động sản giữ hộ khách hàng	13.672.889.155	7.686.792.257
- Phải trả tiền GPMB nhận từ chủ đầu tư chưa quyết toán	7.116.414.219	1.041.788.445
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.553.413.668	10.607.611.372
	41.641.450.809	41.997.672.007
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	278.605.541	241.982.921
	278.605.541	241.982.921

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	42.515.402.791	34.111.047.323
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	26.850.122.716	61.082.233.345
	69.365.525.507	95.193.280.668
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	27.702.235.857	41.727.372.199
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	65.816.907.107	99.280.548.807
	93.519.142.964	141.007.921.006

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	201.000.000.000	4.726.187.500	(4.320.000)	432.841.146	1.104.247.862	38.387.801.222	6.886.924.872	611.297.938.915	36.404.530.152	900.236.151.669
Tăng vốn trong năm trước	100.497.840.000	101.110.300.000	-	-	-	-	-	-	37.862.639.300	239.470.779.300
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	245.468.867.894	129.339.445	245.598.207.339
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	6.997.920.731	-	(6.997.920.731)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(8.305.591.228)	-	(8.305.591.228)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(1.290.308.902)	-	(1.290.308.902)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	40.197.010.000	-	-	-	-	-	-	(40.197.010.000)	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	2.512.500.000	(2.512.500.000)	-	-
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	-	-	-	387.956.463	-	387.956.463
Giảm khác	-	(161.818.182)	-	-	(1.104.247.862)	-	-	-	(4.363.785.671)	(5.629.851.715)
Giảm do không hợp nhất	-	-	-	-	-	(82.245.509)	-	-	-	(82.245.509)
Số dư cuối kỳ trước	341.694.850.000	105.674.669.318	(4.320.000)	432.841.146	-	45.303.476.444	9.399.424.872	797.851.432.411	70.032.723.226	1.370.385.097.417
Số dư đầu năm nay	341.694.850.000	105.674.669.318	(4.320.000)	432.841.146	-	45.303.476.444	9.399.424.872	797.851.432.411	70.032.723.226	1.370.385.097.417
Tăng vốn trong năm nay (*)	410.934.290.000	264.056.514.000	-	-	-	-	-	(296.127.110.000)	35.123.500.000	413.987.194.000
Tăng vốn trong năm nay bằng tiền	114.807.180.000	264.056.514.000	-	-	-	-	-	-	35.123.500.000	413.987.194.000
Tăng vốn trong năm nay bằng cổ tức và cổ phiếu thưởng	296.127.110.000	-	-	-	-	-	-	(296.127.110.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	304.705.976.919	(75.800.723)	304.630.176.196
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	11.484.996.679	-	(11.484.996.679)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	-	(20.053.963.770)	(17.194.100)	(20.071.157.870)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	-	-	(3.302.078.628)	-	(3.302.078.628)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	-	-	-	-	-	-	4.285.509.605	(4.299.271.860)	-	(13.762.255)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	4.257.466	2.907.093	7.164.559
Giảm khác	-	(100.000.000)	-	-	-	-	-	(2.357.581.499)	(490.919.277)	(2.948.500.776)
Số dư cuối năm nay	752.629.140.000	369.631.183.318	(4.320.000)	432.841.146	-	56.788.473.123	13.684.934.477	764.936.664.360	104.575.216.219	2.062.674.132.643



(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-PCCI-HĐQT ngày 21 tháng 04 năm 2016.

- Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 nêu trên, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ trong năm 2016 như sau:
- + Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015:
Tỷ lệ phát hành: 20% trên vốn điều lệ 341.694.850.000 đồng.
Đối tượng được phân phối: các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt quyền 20/06/2016.
Số lượng cổ phần đã phát hành thêm là 6.833.810 cổ phần, tương ứng với tổng vốn điều lệ tăng thêm là 68.338.100.000 đồng.
Ngày phát hành hoàn thành: 27/06/2016.
- + Phát hành cổ phiếu để bổ sung vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu thưởng.
Tỷ lệ phát hành: 66,67%.
Đối tượng được phân phối: các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt quyền 20/06/2016.
Số lượng cổ phần đã phát hành thêm là 22.779.368 cổ phần, tương ứng với tổng vốn điều lệ tăng thêm là 227.793.680.000 đồng.
Ngày phát hành hoàn thành: 27/06/2016.
- Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-PCCI-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2016 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược như sau:
Đối tượng mua cổ phần: Quỹ Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL).
Số lượng cổ phần đã phát hành thêm là 11.480.718 cổ phần, tương ứng với tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 114.807.180.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
Giá bán đã thực hiện là 33.000 đồng/cổ phần.
Tổng giá trị vốn huy động ròng từ đợt phát hành là 378.763.764.000 đồng. Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Bảo Lâm 3. Đến ngày 31/12/2016 số vốn huy động từ đợt phát hành đã sử dụng cho đầu tư dự án thủy điện Bảo Lâm 3 là 235.659.751.873 đồng.
- Ngày 12/09/2016 Công ty chính thức công bố việc thay đổi cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành từ 63.781.764 cổ phiếu lên 75.262.482 cổ phiếu do giao dịch với cổ đông chiến lược đã thực hiện xong.
- Ngày 16/11/2016, Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: PCI.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	752.629.140.000	341.694.850.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>341.694.850.000</i>	<i>201.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>410.934.290.000</i>	<i>140.694.850.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>752.629.140.000</i>	<i>341.694.850.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	296.127.110.000	40.197.010.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	<i>296.127.110.000</i>	<i>40.197.010.000</i>

c) Cổ phiếu	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.262.914	34.169.485
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.262.914	34.169.485
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	75.262.914	34.169.485
Số lượng cổ phiếu được mua lại	432	432
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	432	432
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.262.482	34.169.053
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	75.262.482	34.169.053
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
d) Các quỹ công ty	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	56.788.473.123	45.303.476.444
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.684.934.477	9.399.424.872
	<u>70.473.407.600</u>	<u>54.702.901.316</u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
a) Ngoại tệ các loại (USD)	574.043,49	13.957,15
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
b) Nợ khó đòi đã xử lý	12.495.360.777	12.495.360.777

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	131.285.793.455	61.398.069.246
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	517.103.093.250	658.663.984.955
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.815.135.749.417	2.336.757.718.576
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	8.850.690.473	7.212.035.098
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	463.567.431.854	-
Doanh thu hoạt động thù địch	8.975.967.624	-
Doanh khác	63.296.537.952	36.826.935.158
	3.008.215.264.025	3.100.858.743.033
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	17.611.879.242	25.614.212.300

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	122.994.794.810	60.822.349.210
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	429.080.703.043	564.510.368.520
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.552.199.720.836	2.009.832.281.595
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	4.240.675.816	4.171.023.867
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	323.069.828.214	-
Giá vốn hoạt động thù địch	4.926.682.501	-
Giá vốn khác	50.829.930.064	26.947.439.132
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.723.788.128)	5.988.975.854
	2.481.618.547.156	2.672.272.438.178

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.772.192.648	7.030.811.612
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	47.359.620
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.297.203.389	1.690.079.235
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.193.887	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	345.155.348	269.047.144
	14.419.745.272	9.037.297.611

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.680.285.367	10.432.262.854
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	994.078.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.089.485.887	938.404.618
Chi phí tài chính khác	6.905.267	-
	21.776.676.521	12.364.746.337

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.531.691.310	4.508.617.829
Chi phí nhân công	75.547.765.075	82.127.927.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.672.957.157	6.734.261.747
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.340.539.942)	(3.758.532.735)
Thuế, phí, lệ phí	2.825.344.694	3.096.706.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.048.251.691	14.215.891.920
Chi phí khác bằng tiền	23.561.624.759	19.554.349.599
	128.847.094.744	126.479.222.980

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập thanh lý TSCĐ	517.727.273	2.662.236.390
Thu nhập từ thanh lý CCDC	-	433.579.193
Hoàn nhập dự phòng	75.757.189.033	36.111.932.950
Thu nhập khác	1.162.069.719	894.636.189
	77.436.986.025	40.102.384.722

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	62.315.906.390	52.131.208.898
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	20.022.883.944	19.794.634.697
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	(3.423.521.024)	3.423.521.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	78.915.269.310	75.349.364.619

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ- Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	-	141.803.461
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu từ: Thuế TNDN 1% tạm nộp đối với doanh thu thu tiền theo tiến độ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	3.423.521.024
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại tương ứng với lãi chưa thực hiện	692.682.882	2.246.682.914
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	692.682.882	5.812.007.399

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc hoãn nhập dự phòng đầu tư tài chính	15.291.361.258	3.099.893.748
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.291.361.258	3.099.893.748

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN 1% tạm nộp đối với doanh thu thu tiền theo tiến độ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.423.521.024	(3.423.521.024)
CP thuế TNDN hoãn lại tương ứng với lãi chưa thực hiện	(113.822.869)	(1.422.437.523)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.667.822.901	2.602.166.986
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính	12.191.467.510	2.538.216.191
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc điều chỉnh dự phòng bảo hành sản phẩm	-	(2.101.863.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	141.803.461	-
	17.310.792.027	(1.807.439.273)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	304.705.976.919	245.468.867.894
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	304.705.976.919	245.468.867.894
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	67.241.706	53.731.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.532	4.568

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.140.493.351.307	1.111.305.309.545
Chi phí nhân công	266.884.714.568	264.677.202.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.997.760.267	24.410.105.270
Chi phí dự phòng, bảo hành	23.849.123.701	66.258.524.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	843.691.716.497	1.269.556.350.766
Chi phí khác bằng tiền	79.000.508.302	75.646.427.208
	2.389.917.174.642	2.811.853.919.168

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	418.609.736.913	-	571.111.239.466	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	955.693.215.328	(4.048.601.583)	792.180.768.981	(6.590.403.625)
Các khoản cho vay	21.250.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.821.770.000	-	4.821.770.000	-
	1.400.374.722.241	(4.048.601.583)	1.368.113.778.447	(6.590.403.625)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.115.905.489.475	524.519.786.908
Phải trả người bán, phải trả khác	857.019.465.732	482.750.982.844
Chi phí phải trả	57.815.523.326	84.271.733.872
	2.030.740.478.533	1.091.542.503.624

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	418.609.736.913	-	-	418.609.736.913
Phải thu khách hàng, phải thu khác	865.317.823.262	86.326.790.483	-	951.644.613.745
Các khoản cho vay	21.250.000.000	-	-	21.250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	4.821.770.000	-	4.821.770.000
	1.305.177.560.175	91.148.560.483	-	1.396.326.120.658
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	571.111.239.466	-	-	571.111.239.466
Phải thu khách hàng, phải thu khác	707.065.874.873	78.524.490.483	-	785.590.365.356
Đầu tư dài hạn	-	4.821.770.000	-	4.821.770.000
	1.278.177.114.339	83.346.260.483	-	1.361.523.374.822

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	134.756.703.365	-	981.148.786.110	1.115.905.489.475
Phải trả người bán, phải trả khác	856.740.860.191	278.605.541	-	857.019.465.732
Chi phí phải trả	57.815.523.326	-	-	57.815.523.326
	1.049.313.086.882	278.605.541	981.148.786.110	2.030.740.478.533
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	63.061.128.705	-	461.458.658.203	524.519.786.908
Phải trả người bán, phải trả khác	482.508.999.923	241.982.921	-	482.750.982.844
Chi phí phải trả	84.271.733.872	-	-	84.271.733.872
	629.841.862.500	241.982.921	461.458.658.203	1.091.542.503.624

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Góp vốn bằng tài sản vào Công ty con	942.874.315	-
b) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.253.960.145.992	1.055.074.576.660
c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	669.349.941.937	720.194.605.563

36 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Trong tháng 1 năm 2017, Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 tại xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng được khởi công từ quý 2/2014 với tổng mức đầu tư 915 tỷ, công suất 30MW đã chính thức khánh thành và đi vào hoạt động.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Sản xuất công nghiệp	Bất động sản	Thủy điện	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.815.135.749.417	517.103.093.250	472.418.122.327	8.975.967.624	194.582.331.407	3.008.215.264.025
Giá vốn hàng bán	1.552.199.720.836	429.080.703.043	327.310.504.030	4.926.682.501	168.100.936.746	2.481.618.547.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	262.936.028.581	88.022.390.207	145.107.618.297	4.049.285.123	26.481.394.661	526.596.716.869
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.050.984.404	9.565.406.813	24.269.520.970	1.308.141.915.997	9.599.276.096	1.361.627.104.280
Tài sản bộ phận	935.135.872.165	356.928.060.284	472.420.910.286	2.066.724.871.042	156.496.558.556	3.987.706.272.333
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	541.844.734.841
Tổng tài sản	935.135.872.165	356.928.060.284	472.420.910.286	2.066.724.871.042	156.496.558.556	4.529.551.007.174
Nợ phải trả bộ phận	732.463.827.277	213.429.681.515	162.513.601.333	1.313.343.733.957	19.850.016.876	2.441.600.860.958
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	25.110.228.728
Tổng nợ phải trả	732.463.827.277	213.429.681.515	162.513.601.333	1.313.343.733.957	19.850.016.876	2.466.711.089.686

Theo khu vực địa lý

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam



38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu		17.611.879.242	25.614.212.300
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	17.611.879.242	25.614.212.300

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		5.637.410.501	7.269.053.000
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	5.637.410.501	7.269.053.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	5.935.725.800	5.523.538.310

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Thanh Bình
Người lập

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

